

**CÔNG TY CỔ PHẦN
BÔNG BẠCH TUYẾT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness**

Số/No: 01/2021/BC-TN.2020

TP.HCM, ngày 14 tháng 04 năm 2021
..., month... day...year...

**BÁO CÁO /ANNUAL REPORT
Thường niên năm /Year 2020**

Kính gửi/To: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

I. Thông tin chung/General information

1. Thông tin khái quát/General information

- Tên giao dịch/Trading name: CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG BẠCH TUYẾT
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số/Business Registration Certificate No.: : 0300715584 –Đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 09/03/2021 tại Phòng đăng ký kinh doanh- Sở kế hoạch –đầu tư TP.HCM.
- Vốn điều lệ/Charter capital: 98.000.000.000 (Chín mươi tám tỷ đồng).
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu/Owner's capital:
- Địa chỉ/Address: 550 Âu Cơ, Phường 10, Quận Tân Bình, Thành Phố Hồ Chí Minh
- Số điện thoại/Telephone: (84) 028.37652.516
- Số fax/Fax: (84) 028.37652.515
- Website: bongbachtuyet.com.vn
- Mã cổ phiếu (nếu có)/Securities code (if any): BBT
- Quá trình hình thành và phát triển/Establishment and development process (ngày thành lập, thời điểm niêm yết, thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay/Date of establishment, time of listing, and development milestones since the establishment until now).

+ Nhà máy tư nhân Cobovina Bạch Tuyết được thành lập năm 1960, chuyên sản xuất các sản phẩm bông y tế và băng vệ sinh. Sản phẩm đã nhanh chóng chiếm lĩnh thị trường và tạo uy tín trong lòng người tiêu dùng.

+ Từ 1975 đến 1997, nhà máy Cobovina Bạch Tuyết sau khi quốc hữu hoá đã lần lượt đổi tên thành Xí nghiệp Quốc doanh Bông Bạch Tuyết và Công ty Bông Bạch Tuyết, đảm nhiệm xuất sắc vai trò cung cấp giải pháp bông y tế và các sản phẩm dân sinh, được ghi danh bởi nhiều giải thưởng Nhà nước.

+ Năm 1996, đặc biệt đạt được Huân chương Lao động Hạng Nhất.

+ Sau khi cổ phần hoá, từ 1997 đến 2018 là quãng thời gian Bông Bạch Tuyết trải qua nhiều thăng trầm khi tham gia những thử thách cạnh tranh. Dù kết quả kinh doanh không ổn định, các sản phẩm của Bông Bạch Tuyết vẫn luôn được tín nhiệm nhờ chất lượng vượt trội, đáp ứng những yêu cầu nghiêm ngặt trong lĩnh vực y tế.

+ Năm 2018 đánh dấu việc trở lại ngoạn mục của Bông Bạch Tuyết với sự chung tay góp sức của những đối tác có tâm và có tầm. Bông Bạch Tuyết không chỉ mạnh hơn về tiềm lực tài chính khi trở lại sàn chứng khoán và kinh doanh đạt mức lãi kỷ lục, mà còn gia tăng nội lực với những thay đổi tích cực trong triết lý kinh doanh đề cao tính hiệu quả, minh bạch và nhân văn.

+ Với nền tảng là công nghệ tiên tiến, sản phẩm chất lượng vượt trội chiếm lĩnh gần như toàn bộ ngành hàng, Bông Bạch Tuyết đang tích cực hoàn thiện quy trình, nâng cao chuẩn mực, đầu tư vào những công nghệ ưu việt thân thiện với môi trường, và trên hết, đầu tư thích đáng vào con người, sẵn sàng bước sang một chương mới trong lịch sử 60 năm của thương hiệu: Phát triển hài hoà và bền vững.

- Các sự kiện khác/ Other events:

+ Mã cổ phiếu BBT đã bị hủy niêm yết từ ngày 07/8/2009. Lý do: theo yêu cầu của UBCKNN tại công văn số 1497/UBCK-PTTT ngày 24/07/2009 do BBT không đáp ứng điều kiện về vốn điều lệ thực góp quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị định 14/2007/NĐ-CP của Chính phủ.

+ Mã cổ phiếu BBT lên sàn UPCOM từ ngày 12/08/2018 theo quyết định số 310/QĐ-SGDHN ngày 05/08/2018 của Tổng Giám đốc Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh/ Business lines and locations of the business:

- Ngành nghề kinh doanh/Business lines: (Nêu các ngành nghề kinh doanh hoặc sản phẩm, dịch vụ chính chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất/Specify major lines of business or products and services which account for more than 10% of the total revenue in the last 02 years).

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Sản xuất các loại băng, gạc y tế. Sản xuất các loại bông y tế, băng vệ sinh phụ nữ và các sản phẩm khác từ bông băng.	3290 (chính)

	Sản xuất khẩu trang, khẩu trang sử dụng một lần và khẩu trang y tế.	
2	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh.	2023
3	Mua bán trang thiết bị y tế, hàng gia dụng, văn phòng phẩm, văn hóa phẩm có nội dung được phép lưu hành. Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế. Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh.	4649
4	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa. Sản xuất dụng cụ chỉnh hình và phục hồi chức năng.	3250
5	Đại lý bán hàng hóa, môi giới mua bán hàng hóa, đấu giá hàng hóa.	4610
6	Mua bán máy móc thiết bị ngành công nghiệp, xây dựng, điện, điện tử...	4652
7	Kinh doanh nhà ở. Cho thuê văn phòng.	6810
8	Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp	4299
9	Dịch vụ giữ xe. Hoạt động xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh.	8299
10	Mua bán hàng trang trí nội thất, các loại băng, gạc y tế.	4669
11	Kinh doanh các loại bông y tế, băng vệ sinh phụ nữ và các sản phẩm khác từ bông băng.	4751
12	...v.v... ngành nghề khác theo đăng ký, bổ sung phù hợp với quy định hiện hành.	

- Địa bàn kinh doanh/*Location of business*: (Nêu các địa bàn hoạt động kinh doanh chính, chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất/*Specify major locations of business which account for more than 10% of the total revenue in the last 02 years*): Thành Phố Hồ Chí Minh; Khu vực các tỉnh Đông Nam Bộ, Khu vực các tỉnh Miền Bắc, Khu vực các tỉnh Miền Trung - Tây Nguyên, Khu vực các Tỉnh Miền Tây và trải rộng khắp cả nước.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý/*Information about governance model, business organization and managerial apparatus*:

- Mô hình quản trị (nêu rõ mô hình theo quy định tại Điều 137 Luật Doanh nghiệp)/*Governance model (as stipulated in Article 137 of the Law on Enterprises)*: Đại hội Đồng cổ đông; Hội đồng quản trị; Ban kiểm soát; Ban Tổng giám đốc, Giám đốc chức năng và các Phòng ban/Bộ phận.

- Cơ cấu bộ máy quản lý/*Management structure* : Cơ cấu quản lý Công ty năm 2020 được tổ chức như sau :

a) Đại hội đồng cổ đông:

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyền lực có thẩm quyền cao nhất của Công ty gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, họp mỗi năm ít nhất 01 lần. ĐHĐCĐ quyết định những vấn đề được Luật pháp và Điều lệ Công ty quy định, thông qua định hướng phát triển Công ty. ĐHĐCĐ cũng là cơ quan bầu, bãi miễn thành viên HĐQT, Ban kiểm soát và quyết định về bộ máy của Công ty.

b) Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. HĐQT có trách nhiệm giám sát Ban Tổng Giám Đốc và những người quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT thực hiện theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, các Quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết của ĐHĐCĐ quy định.

Hội đồng quản trị Công ty gồm 03 thành viên, trong năm 2020 không có thành viên trực tiếp điều hành các hoạt động hàng ngày của Công ty.

c) Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát gồm 03 thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu, có nhiệm kỳ không quá 05 năm. Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra các báo cáo tài chính của Công ty, giám sát hoạt động của HĐQT, Tổng Giám đốc, kiến nghị những biện pháp cải tiến quản lý. Ban kiểm soát Công ty hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc.

d) Ban Tổng Giám đốc:

✚ Tổng Giám đốc: Có bộ máy giúp việc điều hành, bộ máy này có nhiệm vụ thực hiện những định hướng về chính sách và nghị quyết của HĐQT.

✚ Phó Tổng Giám đốc Phụ trách Tài Chính – Kế Toán, Nhân Sự, Mua Hàng:

- ✓ Theo phân quyền của Tổng Giám đốc
- ✓ Xây dựng triển khai thực hiện các chính sách về Tài chính- Kế toán, Hành chính – Nhân sự, Mua hàng và nghiệp vụ thống kê, kế toán tại các phòng ban khác trong Công ty trên cơ sở bảo toàn và phát triển vốn Công ty.

e) Giám đốc chức năng:

✚ Giám đốc kinh doanh:

- ✓ Tham mưu cho Tổng Giám đốc về xây dựng chiến lược mục tiêu Kinh doanh của Công ty.
- ✓ Lên các kế hoạch về doanh số, thương hiệu, ngân sách, nguồn lực, chương trình của Khối Kinh doanh theo Quý hoặc năm.
- ✓ Chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc về doanh số bán hàng và phát triển thương hiệu của Công ty.
- ✓ Thực hiện các công việc khác theo ủy quyền.



✦ Giám đốc Sản xuất:

- ✓ Chỉ đạo việc lập kế hoạch sản xuất theo kế hoạch tháng, quý, năm, theo đơn hàng, tiến độ làm việc của Công ty.
- ✓ Tổ chức hoạt động sản xuất, giao nhiệm vụ cụ thể cho Phòng ban, bộ phận mình quản lý, đảm bảo đạt mục tiêu về năng suất, giảm đến mức thấp nhất việc tiêu hao nguyên vật liệu trong quá trình sản xuất.
- ✓ Triển khai thực hiện các lệnh sản xuất đã được cấp trên phê duyệt. Theo dõi, kiểm tra quá trình triển khai công việc của các ca sản xuất.
- ✓ Tổ chức triển khai, tham gia vào quá trình đào tạo, bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ cho nhân sự của nhà máy.
- ✓ Theo dõi sản lượng thành phẩm, kiểm tra công tác dự trữ nguyên vật liệu phục vụ hoạt động sản xuất.
- ✓ Lên kế hoạch mua sắm máy móc, trang thiết bị mới, cải tiến công nghệ phục vụ cho hoạt động sản xuất của Công ty.
- ✓ Quản lý điều hành công tác kỹ thuật công nghệ trong quá trình sản xuất kinh doanh, thực hiện dự án, đảm bảo chất lượng tốt, đạt mục tiêu, đúng tiến độ và hiệu quả. Chỉ đạo việc tổ chức lưu trữ, quản lý hồ sơ tài liệu Kỹ thuật- Công nghệ của Công ty.
- ✓ Thường xuyên tìm hiểu nắm bắt các quy định ngành, pháp luật liên quan đến ngành Kỹ thuật - Công nghệ chỉ đạo việc phổ biến áp dụng, vận dụng và quản lý thực hiện đúng pháp luật, tiêu chuẩn, quy định, quy trình kỹ thuật.
- ✓ Thực hiện việc bố trí hợp lý, cân đối hệ thống dây chuyền sản xuất cho nhà máy, đảm bảo hoạt động sản xuất đạt hiệu quả cao.
- ✓ Định kỳ tổ chức thực hiện bảo trì, bảo dưỡng cho hệ thống máy móc, trang thiết bị của nhà máy.
- ✓ Tổ chức hoạt động sản xuất thử nghiệm và tổ chức đào tạo cán bộ công nhân Kỹ thuật - Công nghệ đáp ứng yêu cầu kỹ thuật sản xuất.
- ✓ Chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc đảm bảo đúng kế hoạch sản xuất, đáp ứng đủ nhu cầu hàng hóa phục vụ Khối Kinh doanh bán hàng và đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng hàng hóa thành phẩm, an toàn vệ sinh lao động Khối Sản xuất.
- ✓ Chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc về các vấn đề liên quan đến hiệu quả của công nghệ sản xuất. Chịu trách nhiệm đảm bảo công tác bảo dưỡng, sửa chữa máy móc thiết bị, quản lý, cấp phát NVL, phụ tùng phục vụ Khối Sản xuất.
- ✓ Chịu trách nhiệm đảm bảo chất lượng hàng hóa đến tay người tiêu dùng và chịu trách nhiệm đảm bảo về công tác lưu trữ hàng hóa, công tác vận chuyển hàng hóa kịp thời, chi phí, thời gian kịp thời cho hoạt động Khối Kinh doanh.



- ✓ Thực hiện các công việc khác theo ủy quyền.

f) Các phòng chuyên môn nghiệp vụ:

✚ Phòng Tài chính - Kế toán: Có chức năng tham mưu, giúp việc cho HĐQT và Ban Tổng Giám đốc Công ty về công tác tài chính, kế toán; công tác quản lý vốn, tài sản, công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ, công tác quản lý chi phí và phân tích hoạt động kinh tế

✚ Phòng Hành chính - Nhân sự: Có chức năng tham mưu, giúp việc cho Ban Tổng Giám đốc công ty về công tác quản lý về Hành chính tổng hợp (bao gồm: Hành chính Lễ tân, phục vụ; Văn thư, lưu trữ; Quản lý mạng LAN, internet, thông tin liên lạc; Quản lý trang thiết bị văn phòng; nhà xưởng, mặt bằng Công ty). Về công tác quản lý Nhân sự tổng hợp (bao gồm: Xây dựng bộ máy tổ chức; Tuyển dụng nhân sự; Đào tạo; Quản lý lao động, khen thưởng – kỷ luật; Đánh giá năng lực - thành tích Công nhân viên (CNV) Công ty, quy hoạch phát triển nhân sự; Chế độ, chính sách nhân sự; Quản lý công tác bảo vệ, công tác BHLĐ và PCCC) và Công tác tham mưu khác.

✚ Phòng Mua Hàng: Có chức năng tham mưu, giúp việc cho Ban Tổng Giám đốc Công ty về công tác quản lý vật tư, nguyên nhiên vật liệu phục vụ sản xuất; cung ứng, nhập xuất vật tư vật liệu mua về nhập kho Công ty; Quyết toán mua bán vật tư, nguyên liệu, tài sản,.

✚ Phòng Bán hàng: là một hệ thống bao gồm Bộ phận Sale Admin và các Kênh Bán hàng (Kênh ETC, Kênh OTC-GT, Kênh MT và Kênh Online-B2B) có chức năng thực hiện triển khai bán hàng để đạt doanh thu theo mục tiêu Giám đốc Kinh doanh đưa ra . Chịu trách nhiệm về quản trị hàng hóa, nhập xuất hàng hóa, điều phối hàng hóa cho các đối tác, cửa hàng; Đặt hàng sản xuất và tham mưu Giám đốc Kinh doanh các công tác có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

✚ Phòng Marketing: Có chức năng tham mưu, giúp việc Tổng Giám đốc và Giám đốc Kinh doanh trong lĩnh vực về chiến lược marketing, sản phẩm, khách hàng và các lĩnh vực khác khi được phân công.

✚ Phòng Kế Hoạch Sản xuất: Có chức năng Tham mưu, giúp việc Giám đốc Sản xuất trong lĩnh vực lập Kế hoạch sản xuất, hệ thống kho nguyên vật liệu, thống kê kiểm soát chi phí định mức, tiêu hao sản xuất và các lĩnh vực khác khi được phân công.

✚ Phòng Kỹ thuật – Công nghệ: bao gồm Bộ phận Kỹ thuật – Công nghệ và Bộ phận Bảo Trì. Có chức năng tham mưu, giúp việc Giám đốc Sản xuất trong lĩnh vực chủ trì, lập và kiểm soát quá trình thiết kế kỹ thuật - dự toán; Thi công, lắp đặt, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa máy móc thiết bị phục vụ sản xuất và các lĩnh vực khác khi được phân công.

✚ Phòng Quản lý kho vận: Có chức năng tham mưu, giúp việc trực tiếp cho Giám đốc Sản xuất công tác quản lý, cấp phát NVL, phụ tùng để phục vụ sản xuất. Lưu trữ hàng hóa, công tác vận chuyển hàng hóa kịp thời, đảm bảo chi phí, thời gian kịp thời cho hoạt động kinh doanh.

✚ Phòng Quản lý sản xuất: Phòng Quản lý Sản xuất bao gồm bộ phận

Vận hành và bộ phận Thành phẩm. Có chức năng tham mưu, giúp việc Giám đốc Sản xuất trong lĩnh vực tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất, đảm bảo kế hoạch được thực hiện hiệu quả, chất lượng, đạt yêu cầu năng suất đề ra .

⬇ Phòng Quản lý Chất lượng: bao gồm bộ phận KCS và bộ phận R&D. Có chức năng tham mưu, giúp việc Tổng Giám đốc trong lĩnh vực Kiểm soát chất lượng nguồn nguyên liệu nhập, kiểm soát chất lượng hàng hóa xuất đi, kiểm soát quy trình sản xuất, xử lý các sự cố chất lượng phát sinh trong quá trình sản xuất, sự cố chất lượng liên quan đến phản hồi khách hàng và các lĩnh vực khác khi được phân công. Xây dựng và kiểm soát các quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm; các hoạt động ứng dụng, nghiên cứu và đề xuất các sản phẩm mới, cải tiến công nghệ trong quá trình sản xuất sản phẩm và các lĩnh vực khác khi được phân công.

⬇ Bộ phận Cải tiến: Có chức năng nghiên cứu & đề xuất cho Giám Đốc Sản xuất về các giải pháp cải tiến mới mang tính khoa học nhằm mục mang lại giá trị thiết thực về mặt chất lượng, năng suất, môi trường, quản lý & thuận lợi, hiệu quả trong quá trình làm việc. Duy trì các hoạt động cải tiến trong mọi lĩnh vực hoạt động trong Công ty mang tính liên tục & giải pháp thực hiện mang tính linh hoạt.

- Các công ty con, công ty liên kết/*Subsidiaries, associated companies*: (Nêu danh sách, địa chỉ, lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính, vốn điều lệ thực góp, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại các công ty con, công ty liên kết/*Specify the names, addresses, major fields of production and business, paid-in charter capital, ownership percentages of the Company in such subsidiaries, associated companies*).

4. Định hướng phát triển/Development orientations

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty / *Main objectives of the Company*.

+ Trở thành Tập đoàn hàng đầu tại Việt Nam trong lĩnh vực sản xuất và phân phối các sản phẩm phục vụ chăm sóc sức khỏe cộng đồng.

+ Cung cấp cho xã hội những sản phẩm – dịch vụ có tính an toàn và tiện dụng cao, kết hợp giữa giá trị truyền thống và hiện đại:

✓ Tạo dựng cho cán bộ công nhân viên một môi trường làm việc đầy tính nhân văn, năng động, công bằng và cơ hội thăng tiến trong nghề nghiệp.

✓ Luôn luôn cải tiến quy trình hoạt động, chấp nhận thử thách để tạo ra những sản phẩm và dịch vụ hiệu quả nhất đem lại sự thỏa mãn cao nhất cho khách hàng, cũng như bảo vệ lợi ích của cổ đông và nhà đầu tư.

+ Tự hào tiếp nối gìn giữ, bảo vệ sự tồn tại và phát triển một thương hiệu lớn BBT tại Việt Nam:

✓ Tôn trọng và đặt con người làm trọng tâm: Đội ngũ Cán bộ Công nhân viên, Khách hàng, Cổ đông, Đối tác kinh doanh. Cam kết góp phần

bảo vệ môi trường và phấn đấu xây dựng truyền thống đoàn kết, nhân văn tại cộng đồng nơi chúng ta sống và làm việc.

✓ Không ngừng đổi mới vươn lên để tạo ra sản phẩm, dịch vụ có chất lượng cao và sự khác biệt cho sản phẩm dịch vụ cùng loại.

✓ Không ngại thách thức và luôn luôn tin tưởng vào sự phát triển bền vững của Công ty Cổ phần Bông Bạch Tuyết.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn/*Development strategies in medium and long term*: gồm các chiến lược sản phẩm, chiến lược Marketing-R&D, chiến lược tài chính, chiến lược nguồn nhân lực v.v thực hiện các mục tiêu trung và dài hạn cho phù hợp với từng kỳ kế hoạch của công ty.

- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty/*Corporate objectives with regard to Corporate environment, society and community Sustainability*: Công ty xây dựng môi trường làm việc phù hợp với yêu cầu chất lượng sản phẩm, đảm bảo thực hiện các yêu cầu về vệ sinh môi trường, an toàn lao động và chống cháy nổ theo qui định của nhà nước, từng bước xây dựng nền văn hóa công ty thành cộng đồng công ty Bông Bạch Tuyết ngày càng ổn định và phát triển.

5. Các rủi ro/Risks: Nếu các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc đối với việc thực hiện các mục tiêu của Công ty, trong đó có rủi ro về môi trường, thiên tai, dịch bệnh, ...)/*Specify the risks probably affecting the production and business operations or the realization of the Company's objectives, including environmental risks*.

- Trong bối cảnh kinh tế thế giới, kinh tế khu vực và Việt Nam hiện nay vẫn còn đối mặt với rất nhiều rủi ro, khó khăn, thách thức.

- Với chính sách mở cửa gọi vốn đầu tư nước ngoài (FDI) cùng với nhu cầu sản phẩm Trang thiết bị y tế trong nước đã tạo ra sự cạnh tranh ngày càng gay gắt giữa các Công ty cùng ngành nghề cung cấp sản phẩm trang thiết bị y tế trong đó có công ty BBT.

- Ngành trang thiết bị y tế trong nước chịu sức ép của tốc độ phát triển công nghệ nhanh chóng, nó đòi hỏi các doanh nghiệp, trong đó có cty BBT không ngừng phải có sự đầu tư, cải tiến sáng tạo trong công nghệ sản xuất để đáp ứng được các yêu cầu của thị trường, nâng cao năng lực cạnh tranh của sản phẩm. Đây là một thách thức rất lớn đối với Công ty BBT vì để phát triển cần phải có đầu tư rất lớn cho cả trang thiết bị, kỹ thuật, cơ sở hạ tầng, nhân sự lẫn chi phí đào tạo.

II. Tình hình hoạt động trong năm/ *Operations in the Year*

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh/*Situation of production and business operations*

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm/ *Results of business operations in the year*: Nêu các kết quả đạt được trong năm. Nêu những thay đổi, biến động lớn về chiến lược kinh doanh, doanh thu, lợi nhuận, chi phí, thị trường, sản phẩm, nguồn cung cấp,... /*specify the results achieved for the year. Specify major changes and movements in business strategy, revenue, profits, costs, markets, products, supplies, etc.*

STT	CHỈ TIÊU	Thực hiện 2020 (đồng)
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	155,209,786,393
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	10,497,326,418
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	144,712,459,975
4.	Giá vốn hàng bán	86,018,637,472
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	58,693,822,503
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	486,590,004
7.	Chi phí tài chính	278,714,782
	Trong đó: chi phí lãi vay	275,616,437
8.	Chi phí bán hàng	15,700,794,960
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	19,026,544,667
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	24,174,358,098
11.	Thu nhập khác	5,160,521,221
12.	Chi phí khác	391,733,782
13.	Lợi nhuận khác	4,768,787,439
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	28,943,145,537
15.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	3,355,875,162
16.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-
17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	25,587,270,375

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch/*Implementation situation/actual progress against the plan*: So sánh kết quả đạt được trong năm so với các chỉ tiêu kế hoạch và các chỉ tiêu năm liền kề. Phân tích cụ thể nguyên nhân dẫn đến việc không đạt/đạt/vượt các chỉ tiêu so với kế hoạch và so với năm liền kề/*Comparing the actual progress with the targets and the results of the preceding years. Analyzing specific reasons of the unachievement/achievement/excess of the targets and against the preceding years.*

CHỈ TIÊU	ĐVT	Thực hiện năm 2020	Kế hoạch năm 2020	Thực hiện năm 2019	% Thực hiện	
					So với kế hoạch	So với năm 2019
1/ Doanh thu BH và DV (chưa V.A.T)	tỷ	155.21	140.69	116.89	110.32%	132.78%
2/ Lợi nhuận trước thuế	tỷ	28.94	18.99	21.84	152.40%	132.51%

3/ Lợi nhuận sau thuế	tỷ	25.59	15.19	17.39	168.47%	147.15%
-----------------------	----	-------	-------	-------	---------	---------

2. Tổ chức và nhân Sự/Organization and Human resource

- Danh sách Ban điều hành/List of the Board of Management: (Danh sách, tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành của Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác/List, curriculum vitae and ownership percentage of the Company's voting shares and other securities by the Company's General Director, Deputy General Directors, Chief Accountant and other managers.

STT	Thành viên Ban điều hành	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ
1	Ông/Mr. Nguyễn Khánh Linh	19/10/1975	Cao học Tài chính - Ngân hàng	- Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc & Người đại diện theo pháp luật bổ nhiệm 01/03/2021; - Chủ tịch HĐQT từ năm 26/06/2019 - 01/03/2021.	0 CP
2	Ông/Mr. Phạm Xuân Đồng	16/05/1977	Cử nhân Tài chính	- P. Tổng Giám đốc Phát triển Kinh doanh bổ nhiệm 01/03/2021; - Tổng Giám đốc kiêm Người đại diện theo pháp luật năm 2020. - Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh 2019.	500 CP
3	Bà/Ms. Ngô Thị Thu Trang	18/07/1980	Cử nhân Kế toán	- Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế Toán trưởng bổ nhiệm 15/03/2021; - Phó Tổng Giám đốc từ 2019 - 2020. - Kế Toán trưởng từ năm 2013-2019.	0 CP

- Những thay đổi trong ban điều hành/changes in the Board of Management: (Liệt kê các thay đổi trong Ban điều hành trong năm)/ (List the changes in the Board of Management in the year).

STT	Thành viên Ban điều hành	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần
1	Ông/Mr. Nguyễn Khánh Linh	19/10/1975	- Từ nhiệm chức vụ Chủ tịch HĐQT kể từ ngày 26/02/2021. - Phó Chủ tịch HĐQT – Quyết định Bổ nhiệm ngày 26/02/2021. - Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc & Người đại diện theo pháp luật - Quyết định bổ nhiệm từ 01/03/2021.	
2	Ông/Mr. Phạm Xuân Đồng	16/05/1977	- Phó Tổng Giám đốc phụ trách Phát triển kinh doanh - Quyết định bổ nhiệm từ 01/03/2021. - Tổng Giám đốc kiêm người đại diện theo pháp luật - Quyết định bổ nhiệm từ 06/03/2020. - Từ nhiệm Chức vụ Tổng Giám đốc ngày 01/03/2021.	500 CP
3	Bà/Ms. Ngô Thị Thu Trang	18/07/1980	- Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế Toán trưởng – Quyết định bổ nhiệm từ 15/03/2021.	0 CP
4	Ông/Mr. Nguyễn Thanh Tâm	15/10/1978	- Từ nhiệm Chức vụ Kế Toán trưởng từ ngày 15/03/2021.	0 CP
5	Bà/Ms. Võ Thị Bích Thúy	09/06/1968	- Từ nhiệm Chức vụ Tổng Giám đốc ngày 06/03/2020.	6.000 CP
6	Ông/Mr. Ngô	21/10/1967	- Từ nhiệm Chức vụ Phó	0 CP

Xuân Hương	Tổng Giám đốc sản xuất từ ngày 20/02/2020.
------------	--

- Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động/ *Number of staffs. Brief information and changes on the employee's policies.*

+ Tổng số lao động của Tổng Công ty CP Bông Bạch Tuyết tính đến thời điểm 31/12/2020 là 199 người. Cụ thể như sau:

PHÂN LOẠI	SỐ NGƯỜI	TỶ TRỌNG
Tổng số lao động	199	
Trong đó:		
1. Theo tính chất công việc		
- Khối gián tiếp	87	43,71%
- Khối trực tiếp	112	56,29%
2. Theo trình độ		
- Đại học	36	18,09%
- Cao đẳng và trung học chuyên nghiệp	20	10,05%
- Khác	143	71,86%
3. Theo giới tính		
- Nam	91	45,72%
- Nữ	108	54,28%

+ Chính sách đối với người lao động:

- ✓ Con người là yếu tố quyết định đến sự phát triển của Doanh nghiệp. Chính vì vậy, Công ty BBT luôn thực hiện tốt các chính sách và quyền lợi chính đáng của Người lao động, thực hiện ký hợp đồng lao động, thực hiện chế độ BHXH và tổ chức cho Người lao động đi du lịch nghỉ mát hàng năm, thăm hỏi ốm đau, cưới xin, đám tang.....theo Thỏa ước lao động tập thể.
- ✓ Công tác ATLĐ-BHLĐ-PCCC được Công ty đặc biệt chú trọng, trang bị đủ các phương tiện bảo hộ an toàn vệ sinh lao động, trang bị đầy đủ bình chữa cháy, lắp đặt mới hệ thống nước chữa cháy vách tường, hệ thống báo cháy tự động, và các phương tiện Phòng cháy chữa cháy khác, tổ chức huấn luyện thường xuyên hàng năm cho CBCNV về công tác an toàn vệ sinh lao động và phòng chống cháy nổ.
- ✓ Xây dựng hệ thống nội quy, quy chế quản lý công ty như: Nội quy lao động, Nội quy PCCC, qui chế trả lương, quy chế dân chủ cơ sở, thỏa ước lao động tập thể, các quy chế nội bộ khác chặt chẽ, đồng bộ nhằm cụ thể hoá các quy định về quản lý, chuyên môn nghiệp vụ và các chính sách đãi ngộ cho người lao động, tạo hành lang pháp lý trong các hoạt động. Công khai, minh bạch và dân chủ, tạo điều kiện cho người lao

584
TY
B
TUYỆT
Đ
CH

động yên tâm công tác, phát huy vai trò trách nhiệm và tinh thần hăng say thi đua lao động sản xuất công tác của Người lao động đối với Công ty.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án/investment activities, project implementation

a) Các khoản đầu tư lớn/*Major investments*: Nêu các khoản đầu tư lớn được thực hiện trong năm (bao gồm các khoản đầu tư tài chính và các khoản đầu tư dự án), tình hình thực hiện các dự án lớn. Đối với trường hợp công ty đã chào bán chứng khoán để thực hiện các dự án, cần nêu rõ tiến độ thực hiện các dự án này và phân tích nguyên nhân dẫn đến việc đạt/không đạt tiến độ đã công bố và cam kết./*specify major investments implemented for the year (including financial investments and project investment), the implementation progress of major projects. If the Company has conducted public offering for the projects, it is necessary to indicate the progress of implementation of the projects and analyze the reasons in case of achievement /failure to achieve the announced and committed targets*: Không có

b) Các công ty con, công ty liên kết/*Subsidiaries, associated companies*: (Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty con, công ty liên kết)/(*Summarizing the operations and financial situation of the subsidiaries, associated companies*): Không có

4. Tình hình tài chính/Financial situation

a) Tình hình tài chính/Financial situation

Chỉ tiêu/ Indicators	Năm 2019	Năm 2020	% tăng giảm/ % change
<i>* Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng/Applicable for organization other than credit institutions and non-bank financial institutions:</i>			
Tổng giá trị tài sản/ <i>Total asset</i>	99,425,743,840	167,037,395,605	
Doanh thu thuần/ <i>Net revenue</i>	108,600,923,998	144,712,459,975	
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ <i>Profit from business activities</i>	38,229,465,826	58,693,822,503	
Lợi nhuận khác/ <i>Other profits</i>	3,891,014,047	4,768,787,439	
Lợi nhuận trước thuế/ <i>Profit before tax</i>	21,843,506,712	28,943,145,537	

Lợi nhuận sau thuế/Profit after tax	17,385,385,595	25,587,270,375	
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức/Payout ratio	2,545	2,611	
* Đối với tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng/Applicable to credit institutions and non-bank financial institutions:			
Tổng giá trị tài sản/Total asset value			
Doanh thu/ Revenue			
Thuế và các khoản phải nộp/Taxes and payables			
Lợi nhuận trước thuế/Before tax profit			
Lợi nhuận sau thuế/After tax profit			

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu/ Major financial indicators:

Chỉ tiêu/ Indicators	Năm 2019	Năm 2020	Ghi chú/Note
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán/ Solvency ratio			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn/Current ratio:			
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn (Short term Asset/Short term debt)	1.214	2.576	
+ Hệ số thanh toán nhanh/Quick ratio:	0.762	2.002	
Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho (Short term Asset - Inventories)	42,114,315,070	85,182,689,426	
Nợ ngắn hạn (Short term Debt)	55,290,156,605	42,556,026,892	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn/capital structure Ratio			
+ Hệ số (Nợ/Tổng tài sản) (Debt/Total assets ratio)	0.562	0.258	
+ Hệ số (Nợ/vốn chủ sở hữu) (Debt/Owner's Equity ratio)	1.285	0.349	

3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động/ Operation capability Ratio			
+ Vòng quay hàng tồn kho/ <i>Inventory turnover:</i> (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân (Cost of goods sold/Average inventory)	2.812	3.520	
+ Vòng quay tổng tài sản/ <i>Total asset turnover:</i> Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân (Net revenue/ Average Total Assets)	1.092	0.866	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời/ Profitability			
+ Hệ số (Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần) (<i>profit after tax/ Net revenue Ratio</i>)	0.160	0.177	
+ Hệ số (Lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu) (<i>profit after tax/ total capital Ratio</i>)	0.399	0.207	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (<i>profit after tax/ Total assets Ratio</i>)	0.175	0.153	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần (<i>Profit from business activities/ Net revenue Ratio</i>)	0.352	0.406	

Đối với tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng/*Fo credit institutions and non-bank financial institutions:*

Chỉ tiêu/ Indicators	Năm 2019	Năm 2020	Ghi chú/Note
1. Quy mô vốn/ <i>Capital size</i>	68,400,000,000	98,000,000,000	
- Vốn điều lệ <i>Charter Capital</i>	68,400,000,000	98,000,000,000	
Tổng tài sản có <i>Total assets</i>	99,425,743,840	167,037,395,605	
Tỷ lệ an toàn vốn/ <i>Capital adequacy ratio</i>	0.688	0.587	
2. Kết quả hoạt động kinh doanh/ <i>Operating results</i>			
Doanh số huy động tiền gửi/ <i>Cash deposits</i>			

Doanh số cho vay/ <i>Lending</i>			
Doanh số thu nợ/ <i>Debt collection</i>			
Nợ quá hạn/ <i>Overdue debts</i>			
Nợ khó đòi/ <i>Bad debt</i>	3,457,701,820	3,457,701,820	
Hệ số sử dụng vốn/ <i>Incremental Capital Output Ratio</i>			
Tỷ lệ nợ bảo lãnh quá hạn/Tổng số dư bảo lãnh/ <i>Overdue outstanding underwritten debt/ Total outstanding debt Ratio</i>			
Tỷ lệ nợ quá hạn/Tổng dư nợ/ <i>Overdue debts/ Total debt Ratio</i>			
Tỷ lệ nợ khó đòi/Tổng dư nợ/ <i>Bad debt/ Total debt Ratio</i>			
3. Khả năng thanh khoản/ <i>Solvency</i>	1.210	2.543	
Khả năng thanh toán ngay/ <i>Short term solvency</i>	0.240	1.259	
Khả năng thanh toán chung/ <i>General solvency</i>	1.778	3.869	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/Shareholders structure, change in the owner's equity.

a) Cổ phần/ *Shares*: Nêu tổng số cổ phần và loại cổ phần đang lưu hành, số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do và số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định pháp luật, Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu. Trường hợp công ty có chứng khoán giao dịch tại nước ngoài hay bảo trợ việc phát hành và niêm yết chứng khoán tại nước ngoài, cần nêu rõ thị trường giao dịch, số lượng chứng khoán được giao dịch hay được bảo trợ và các thông tin quan trọng liên quan đến quyền, nghĩa vụ của công ty liên quan đến chứng khoán giao dịch hoặc được bảo trợ tại nước ngoài/Specify total number and types of floating shares, number of freely transferable shares and number of preferred shares in accordance with the law, the Company's Charter and commitments of the owner. Where the company has securities traded in foreign countries or underwritten the issuance and listing of securities in foreign countries, it is required to specify the foreign markets, the number of securities to be traded or underwritten and important information concerning

the rights and obligations of the company related to the securities traded or underwritten in foreign countries.

- Tổng số cổ phần: 9.800.000 CP.
- Tổng số cổ phần và loại cổ phần đang lưu hành: 9.800.000 CP.
- Cổ phần chuyển nhượng: không.
- Chứng khoán niêm yết giao dịch nước ngoài: không.

b) *Cơ cấu cổ đông/Shareholders structure: Nếu cơ cấu cổ đông phân theo các tiêu chí tỷ lệ sở hữu (cổ đông lớn, cổ đông nhỏ); cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân; cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài, cổ đông nhà nước và các cổ đông khác, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ Specify shareholders structure by ownership percentages (major, minority shareholders); institutional and individual shareholders; domestic and foreign shareholders; State and other shareholders; foreign shareholder's maximum percentages.*

Cơ cấu cổ đông: chốt ngày 06/04/2020:

STT	Phân loại	SL cổ đông	SL cổ phần	Tỷ lệ %
1	Cổ đông cá nhân	1.618	2.958.310	43,250%
2	Cổ đông tổ chức	8	3.796.640	55,506%
3	Cổ đông nước ngoài	68	85.050	1,244%
4	Tổng số cổ đông	1.694	6.840.000	100

c) *Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/ Change in the owner's equity: Nêu các đợt tăng vốn cổ phần kể từ khi thành lập bao gồm các đợt chào bán ra công chúng, chào bán riêng lẻ, chuyển đổi trái phiếu, chuyển đổi chứng quyền, phát hành cổ phiếu thưởng, trả cổ tức bằng cổ phiếu v.v (thời điểm, giá trị, đối tượng chào bán, đơn vị cấp)/specify equity increases including public offerings, private offerings, bond conversions, warrant conversions, Issuance of bonus shares, shares dividend, etc.*

- Công ty tiến hành chào bán cổ phiếu riêng lẻ như sau:

- + Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
- + Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
- + Số lượng cổ phiếu đăng ký chào bán: 2.960.000 cổ phiếu
- + Tổng số lượng vốn huy động: 54.760.000.000 đồng
- + Ngày bắt đầu chào bán: 01/9/2020
- + Ngày hoàn thành đợt chào bán: 04/9/2020

- Kết quả đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ:

- + Tổng số cổ phiếu đã phân phối: 2.960.000 cổ phiếu, chiếm 100% tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán

+ Giá bán:	18.500 đồng/cổ phiếu
Giá bán thấp nhất:	18.500 đồng/cổ phiếu
Giá bán cao nhất:	18.500 đồng/cổ phiếu
Giá bán bình quân gia quyền:	18.500 đồng/cổ phiếu
+ Tổng số tiền thu từ việc chào bán cổ phiếu:	54.760.000.000 đồng
+ Tổng chi phí:	0 đồng
Phí phân phối cổ phiếu:	0 đồng
+ Tổng thu ròng từ đợt chào bán:	54.760.000.0 đồng

- Danh sách và tỷ lệ sở hữu của các nhà đầu tư tham gia mua cổ phiếu chào bán riêng lẻ:

STT	Tên nhà đầu tư	Mã số doanh nghiệp	Số lượng cổ phiếu sở hữu trước đợt chào bán	Số lượng cổ phiếu được phân phối	Tổng số lượng cổ phiếu sở hữu sau đợt chào bán	Tỷ lệ sở hữu sau đợt chào bán
1	Công ty TNHH Đầu tư Sài Gòn 3 Capital	0313632180	769.360	1.581.999	2.351.359	23,99%
2	Công ty cổ phần Dệt May Gia Định	0300744507	2.052.000	1.378.001	3.430.001	35,00%

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ/ *Transaction of treasury stocks*: Nêu số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại, liệt kê các giao dịch cổ phiếu quỹ đã thực hiện trong năm bao gồm thời điểm thực hiện giao dịch, giá giao dịch và đối tượng giao dịch/ *Specify number of existing treasury stocks, list transactions of treasury stocks conducted for the year including trading times, prices and counter parties.*

Không có.

e) Các chứng khoán khác/ *Other securities*: nêu các đợt phát hành chứng khoán khác đã thực hiện trong năm. Nêu số lượng, đặc điểm các loại chứng khoán khác hiện đang lưu hành và các cam kết chưa thực hiện của công ty với cá nhân, tổ chức khác (bao gồm cán bộ công nhân viên, người quản lý của công ty) liên quan đến việc phát hành chứng khoán/ *Specify other securities issues conducted during the year. Specify the number, characteristics of other types of floating securities and outstanding commitments of the Company to other individuals, organizations (including Company's staffs and managers) related to the securities issues.*

Không có.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty/ Environment-Social-Governance (ESG) Report of the Company

6.1. Tác động lên môi trường:

Các sản phẩm chính của Công ty bao gồm bông sơ tự nhiên và các sản phẩm từ bông nên rác phế thải ít độc hại với môi trường. Ngoài ra nhà máy Công ty đặt tại Khu công nghiệp tập trung, tuân thủ các quy định hiện hành của nhà nước về đảm bảo tiêu chuẩn, quy chuẩn về môi trường. Do đó, hạn chế tối đa phát thải nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp.

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu/Management of raw materials:

Nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói sản phẩm/dịch vụ Lĩnh vực vật liệu của Công ty với các sản phẩm chính trong các lĩnh vực/nhóm sản phẩm vật liệu trang thiết bị y tế và sản phẩm gia công với nhiều loại nguyên liệu chính sử dụng sản xuất là bông sơ tự nhiên, gạc... và một số nguyên liệu nhập khẩu (nguyên vật liệu khác).

Về việc nguyên vật liệu tái chế được sử dụng sản xuất: về cơ bản nguyên vật liệu sử dụng cho sản xuất là đặc thù; chủ yếu sử dụng phế phẩm quay vòng sử dụng cho phối liệu để sản xuất, hạn chế tối đa chất thải rắn. Trong định hướng phát triển xanh của Công ty, BBT đã và đang nghiên cứu phát triển các sản phẩm "xanh", "thân thiện môi trường".

6.3. Tiêu thụ năng lượng/Energy consumption:

Năng lượng sử dụng trực tiếp cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty là sử dụng điện: Chủ yếu cho vận hành các thiết bị sản xuất và sử dụng văn phòng. Theo đó, bố trí phần ca hợp lý, giảm thiểu sử dụng trong giờ cao điểm để tiết giảm điện năng.

6.4. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)/ Water consumption (water consumption of business activities in the year).

Nguồn nước cho sản xuất và văn phòng được sử dụng do Khu Công nghiệp cung cấp. Nước sản xuất tại các nhà máy chiếm tỷ trọng nhỏ về lượng và chi phí trong tổng chi phí sản xuất, đồng thời được tối đa tuần hoàn sử dụng, giảm thiểu tối đa xả thải ra ngoài, nước thải đều được qua trạm xử lý của KCN.

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường/Compliance with the law on environmental protection:

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường/ Number of times the company is fined for failing to comply with laws and regulations on environment.

Không có.

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường/the total amount to be fined for failing to comply with laws and regulations on the environment.

Không có.

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động/*Policies related to employees*

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động/*Number of employees, average wages of workers.*

CHỈ TIÊU	ĐVT	Thực hiện năm 2020	Kế hoạch năm 2020	Thực hiện năm 2019	% Thực hiện	
					So với kế hoạch	So với năm 2019
1/ Lao động bình quân	người	193	210	185	92%	104%
2/ Thu nhập bình quân CNV/tháng/người	Triệu	11.8	9.4	8.9	125%	132%

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động/*Labor policies to ensure health, safety and welfare of workers.*

Công ty Cổ phần Bông Bạch Tuyết coi nguồn lực con người xem là yếu tố trọng tâm, công tác phát triển nguồn nhân lực thông qua các chính sách lương thưởng và đãi ngộ; tuyển dụng, đào tạo và phát triển đang từng bước được hoàn thiện, đảm bảo mức thu nhập cho người lao động yên tâm công tác.

c) Hoạt động đào tạo người lao động/*Employee training*

Công tác đào tạo nguồn nhân lực tại BBT hiện nay được chú trọng và triển khai kế hoạch hằng năm/kế hoạch dài hạn. Song song với đào tạo tập trung theo kế hoạch như đã nêu, hoạt động đào tạo quan trọng là gắn liền với thực tế sản xuất tại mỗi Phòng ban/đơn vị. Do đó, việc đào tạo cũng được thực hiện liên tục tại từng Phòng ban, từng đơn vị sản xuất để nâng cao chất lượng đào tạo tập trung, tạo điều kiện cho mỗi người lao động (từ bậc thấp/giản đơn đến yêu cầu tay nghề cao) tích lũy kinh nghiệm. Mặt khác, tại BBT, mỗi người lao động đều được khuyến khích và có ý thức tự nâng cao trình độ chuyên môn.

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương/*Report on responsibility for local community.*

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng/*The community investments and other community development activities, including financial assistance to community service.*

Bên cạnh việc hoàn thành tốt các chỉ tiêu, kế hoạch phát triển sản xuất, thực hiện các nghĩa vụ tài chính đối với nhà nước, BBT còn chú trọng đến hoạt động an sinh xã hội. Công ty, lãnh đạo các bộ phận, các tổ chức trong Công ty luôn quan tâm, phối hợp các cơ quan, đơn vị, địa phương để làm tốt công tác



đền ơn đáp nghĩa; ủng hộ góp sức chung tay với đồng bào bị bão lũ; thăm hỏi, tặng quà các gia đình có hoàn cảnh khó khăn; tặng quà cho các cháu học sinh; bằng tấm lòng và trách nhiệm cao. Những việc làm này không những cho thấy truyền thống tốt đẹp của dân tộc, mà còn thể hiện giá trị văn hóa của doanh nghiệp là nền tảng quan trọng cho sự phát triển ổn định và bền vững.

6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN/Report on green capital market activities under the guidance of the SSC.

Trong năm 2020, Công ty BBT không phát hành trái phiếu (do đó không tham gia vào hoạt động thị trường vốn xanh).

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc/ Reports and assessments of the Board of Management (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty / the Board of Management reports and assesses the Company's situation through every facet)

Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau/The Board of Management's reports and assessments shall include at least the following contents:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh/Assessment of operating results

CHỈ TIÊU	ĐVT	Thực hiện năm 2020	Kế hoạch năm 2020	Tỉ lệ thực hiện với kế hoạch
1/ Doanh thu BH và DV (chưa V.A.T)	tỷ	155.21	140.69	110.32%
2/ Lợi nhuận trước thuế	tỷ	28.94	18.99	152.40%
3/ Lợi nhuận sau thuế	tỷ	25.59	15.19	168.47%

Với các chỉ tiêu đạt được so với Kế hoạch được ĐHCĐ thường niên năm 2020 giao nêu trên. Đánh giá chung, Công ty BBT đã hoàn thành và hoàn thành vượt các mục tiêu chính là lợi nhuận, doanh thu.

2. Tình hình tài chính/Financial Situation

a) Tình hình tài sản/Assets

Phân tích tình hình tài sản, biến động tình hình tài sản (phân tích, đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản và nợ phải thu quá hạn ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh)/ Analysis of assets and changes in assets (analysis and assessment of the efficiency of assets usage and bad receivable debts that affect operating results).

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
TÀI SẢN				
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	100	109,619,085,821	67,137,701,989
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	110	47,570,104,781	8,145,220,076
1. Tiền	111	111	39,570,104,781	8,145,220,076
2. Các khoản tương đương tiền	112	112	8,000,000,000	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	120	6,009,407,892	5,150,256,492
1. Chứng khoán kinh doanh	121	121	6,048,007,566	188,843,565
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	122	(38,599,674)	(38,587,074)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	123	-	5,000,000,000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	130	30,190,363,541	28,609,332,689
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	131	29,020,418,169	22,500,405,914
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	132	1,616,688,471	5,828,794,246
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	133	-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134	134	-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	135	-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	136	3,010,958,721	3,737,834,349
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	137	(3,457,701,820)	(3,457,701,820)
8. Tài sản Thiếu chờ xử lý	139	139	-	-
IV. Hàng tồn kho	140	140	24,436,396,395	25,023,386,919
1. Hàng tồn kho	141	141	24,529,019,080	25,023,386,919
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	149	(92,622,685)	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	150		

			1,412,813,212	209,505,813
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	151	195,611,611	114,665,304
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	152	1,049,397,574	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	153	167,804,027	94,840,509
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154	154	-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155	155	-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200	200	57,418,309,784	32,288,041,851
I. Các khoản phải thu dài hạn	210	210	-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	211	-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212	212	-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213	213	-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214	214	-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	215	-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	216	-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	219	-	-
II. Tài sản cố định	220	220	50,511,745,982	26,235,472,725
1. Tài sản cố định hữu hình	221	221	50,495,629,411	26,211,276,158
- Nguyên giá	222	222	100,420,792,209	74,450,618,441
- Giá trị hao mòn lũy kế	223	223	(49,925,162,798)	(48,239,342,283)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	224	-	-
- Nguyên giá	225	225	-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226	226	-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	227	16,116,571	24,196,567
- Nguyên giá	228	228	-	-

07153
 ĐỒNG T
 PHẢ
 BẠCH T
 T.P.H

			40,400,000	40,400,000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229	229	(24,283,429)	(16,203,433)
III. Bất động sản đầu tư	230	230	-	-
- Nguyên giá	231	231	-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232	232	-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	240	354,591,000	1,254,342,425
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	241	-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	242	354,591,000	1,254,342,425
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	250	-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251	251	-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	252	-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	253	-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	254	-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	255	-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260	260	6,551,972,802	4,798,226,701
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	261	6,551,972,802	4,798,226,701
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	262	-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	263	-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268	268	-	-
5. Lợi thế thương mại	269	269		
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270	270	167,037,395,605	99,425,743,840

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020 của cty BBT)

b) Tình hình nợ phải trả/Debt Payable

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300	300	43,169,902,892	55,905,521,502
I. Nợ ngắn hạn	310	310	42,556,026,892	55,290,156,605
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	311	7,202,598,413	5,366,446,649
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	312	9,675,101,411	9,118,157,271
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	313	2,559,534,559	4,479,793,915
4. Phải trả người lao động	314	314	6,924,635,454	4,837,997,363
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	315	6,009,116,920	8,748,145,360
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316	316	-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317	317	-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	318	-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	319	10,060,674,685	16,564,850,597
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	320	-	6,000,000,000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	321	124,365,450	174,765,450
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322	322	-	-
13. Quỹ bình ổn giá	323	323	-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324	324	-	-
II. Nợ dài hạn	330	330	613,876,000	615,364,897
1. Phải trả người bán dài hạn	331	331	-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332	332	-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333	333	-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334	334	-	-



5. Phải trả nội bộ dài hạn	335	335	-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	336	-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	337	613,876,000	615,364,897
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	338	-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339	339	-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340	340	-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	341	-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	342	-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	343	-	-

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020 của cty BBT)

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ/ Current debts, major changes of debts.

- Phân tích nợ phải trả quá hạn, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay/Analysis of bad debts, impacts of the exchange rate changes on operating results of the Company and impacts of lending rate changes.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý/Improvements in organizational structure, policies, and management.

Để việc xây dựng mục tiêu, xác định giải pháp và triển khai kế hoạch năm 2020 đạt được hiệu quả thành công thì tầm nhìn, sự hoạch định chiến lược sản xuất kinh doanh, nhân sự,...vv của Hội Đồng Quản trị, Ban điều hành công ty đóng một vai trò quan trọng. Cụ thể:

3.1 Giải pháp quản trị điều hành:

- Ban điều hành tăng cường mối liên kết giữa các phòng ban, bộ phận để kịp thời nắm bắt, tháo gỡ khó khăn đưa giải pháp thực hiện;

- Bám sát Kế hoạch sản xuất kinh doanh đã được phê duyệt, triển khai đồng bộ các biện pháp tăng doanh thu, kiểm soát chi phí, tăng cường công tác tiết kiệm, chú trọng chất lượng sản phẩm, đảm bảo chỉ tiêu lợi nhuận kế hoạch;

- Tiếp tục duy trì cơ cấu nhân sự, phân công lại và điều chuyển nhân sự phù hợp để nâng cao năng suất lao động và tạo sự linh hoạt;

- Tiếp tục hoàn thiện các quy chế, quy định tạo sự thống nhất chặt chẽ theo quy chuẩn. Tiết giảm tối đa chi phí hoạt động, chi phí điều hành, chi phí quản lý, chi phí tài chính.

3.2 Giải pháp phát triển thị trường.

Với tiêu chí củng cố và phát triển uy tín sản phẩm hiện tại để giữ ổn định và gia tăng thêm lượng khách hàng trung thành. Cơ cấu sản phẩm với những phân khúc thị trường một cách hợp lý và có chiến lược. Quan tâm nghiên cứu mảng sản phẩm chủ đạo, truyền thống để củng cố thị trường hiện hữu và thâm nhập ngày càng rộng vào những hệ thống chưa có để gia tăng độ phủ sản phẩm Bông Bạch Tuyết, cụ thể:

+ Thị trường cần tập trung: Hiện nay, doanh số Mảng y tế: Công ty Dược, Bệnh viện, Nhà thuốc,... chiếm đến hơn 60% doanh thu. Cần có giải pháp, chính sách bán hàng hiệu quả hơn nữa nhằm gia tăng doanh số đối với kênh ETC (thầu Bệnh viện, Công ty dược,..) và OTC (hệ thống nhà thuốc);

+ Thị trường cần củng cố: Kênh phân phối trực tiếp tại các Nhà phân phối lớn, Siêu thị, bán hàng online,... với mục tiêu thâm nhập và củng cố thương hiệu Bông Bạch Tuyết ở mảng tiêu dùng một cách mạnh mẽ hơn.

+ Thị trường cần phát triển: Thực hiện các hoạt động tìm kiếm khách hàng mới, mở rộng thị trường, phát triển kế hoạch kinh doanh xuất – nhập khẩu nhằm đưa sản phẩm ra thị trường quốc tế.

3.3 Tăng cường xây dựng thương hiệu, chất lượng sản phẩm.

- Nhận thức rõ rằng Chất lượng tạo thương hiệu, thương hiệu tạo ra giá trị, uy tín và niềm tin của khách hàng, cổ đông, nhà đầu tư,... HĐQT, Ban điều hành công ty định hướng tập trung nâng cao chất lượng sản phẩm, vì đây là yếu tố quan trọng hàng đầu trong việc tồn tại và phát triển;

- Tiếp tục cải tiến chất lượng nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường;

- Tăng cường việc kiểm tra, giám sát và tuân thủ chất lượng sản phẩm trong từng quy trình kiểm soát hoạt động sản xuất, đồng thời đánh giá và xử lý phản hồi của khách hàng, khắc phục các trường hợp vi phạm tiêu chuẩn, chất lượng sản phẩm;

- Thực hiện các chính sách Marketing truyền thống kết hợp với các chương trình Marketing đặc thù nhằm tạo sự khác biệt, nâng cao vị thế, hình ảnh, tăng sức cạnh tranh của sản phẩm;

- Đáp ứng tốt nhất nhu cầu của khách hàng, tăng số lượng và nâng cao chất lượng sản phẩm, đa dạng hóa danh mục sản phẩm, tăng số lượng sản phẩm mới.

3.4 Chính sách giá và phân phối.

- Linh hoạt đối với các khách hàng và khu vực. Đối với dòng sản phẩm truyền thống, chủ đạo, Công ty áp dụng chính sách giá *thâm nhập thị trường* để một mặt giữ vững thị phần bông truyền thống hiện có và mặt khác tiếp tục phát triển rộng khắp, hạn chế sự xâm lấn của đối thủ cạnh tranh;

- Công ty cơ cấu lại hệ thống phân phối theo tiêu chí giảm bớt trung gian, để tập trung tiếp cận trực tiếp với người tiêu dùng nhiều hơn, gần hơn để hiểu

và chăm sóc khách hàng tốt hơn. Hệ thống phân phối sẽ phân chia theo các kênh: GT (Nhà phân phối); MT (hệ thống các siêu thị, cửa hàng tiện dụng); OTC (hệ thống nhà thuốc); Sale online (hệ thống bán hàng trực tuyến); ETC (đầu thầu bệnh viện); Xuất nhập khẩu-Gia công...;

- Củng cố khâu dịch vụ khách hàng như: giao hàng, thanh toán, xử lý thông tin nhanh gọn và kịp thời hiệu quả để tiếp tục củng cố niềm tin và lòng trung thành của khách hàng đối với các sản phẩm Bông Bạch Tuyết.

3.5 Giải pháp nguồn vốn, quản lý tài chính.

- Chi phí nguyên vật liệu đầu vào: Khai thác những nguồn hàng giá cả hợp lý, chất lượng ổn định và được ưu đãi về chính sách công nợ, thời gian giao hàng;

- Kiểm soát quá trình sản xuất: Thường xuyên rà soát các định mức lao động, định mức tiêu hao. Phân công lao động tinh gọn, hợp lý và có biện pháp nâng cao ý thức tự giác, tiết kiệm của người lao động. Hạn chế tối đa các sản phẩm lỗi và hao phí nguyên liệu trong quá trình sản xuất;

- Thực hiện kiểm soát, đánh giá chính xác và kịp thời về hiệu quả các kế hoạch đầu tư ngắn hạn và dài hạn;

- Phân tích hiệu quả kinh doanh định kỳ để kịp thời đánh giá, kiểm soát và điều chỉnh các chính sách bán hàng, đầu tư của Công ty;

- Đẩy mạnh công tác thu tiền bán hàng, thu hồi công nợ/ tái cơ cấu các khoản công nợ đến hạn phải trả;

- Xây dựng kế hoạch đầu tư hiệu quả từ nguồn vốn hiện có và từ các dòng tiền từ huy động từ các tổ chức tín dụng, công ty liên kết,... Triển khai xây dựng kế hoạch ngân sách của công ty theo quy trình xây dựng kế hoạch, thiết lập cơ sở dữ liệu rõ ràng, minh bạch. Tập trung tái cơ cấu đầu tư theo hướng tinh gọn, hiệu quả;

- Tiếp tục xử lý công nợ tồn đọng: Xử lý khoản nợ không xác định đối tượng, các khoản phải trả khác... để cơ cấu lại tài chính;

- Hoàn thiện các thủ tục pháp lý đối với các dự án của Công ty nhằm huy động nguồn vốn từ công ty liên kết, tổ chức tín dụng,... nhằm đảm bảo dòng tiền duy trì và phát triển sản xuất kinh doanh, nâng cấp các sản phẩm, tài sản hiện có mang lại lợi ích tốt nhất cho Bông Bạch Tuyết trên nguyên tắc đảm bảo được quyền tự chủ của Công ty.

3.6 Phát triển nguồn nhân lực.

Con người là yếu tố quyết định cho sự thành công của quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, do đó cần:

- Hoàn thiện chính sách lương, thưởng và các chế độ nhân sự để mỗi thành viên trong Bông Bạch Tuyết là những người giỏi về chuyên môn nghiệp vụ, giàu đam mê và nhiệt huyết gắn bó với Công ty, cùng công ty vượt qua khó khăn và hướng đến sự phát triển cho tương lai;



- Thường xuyên cử CB.CNV tham gia huấn luyện, hội thảo hoặc các chương trình đào tạo phù hợp để ngày một nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ phục vụ cho hoạt động của Công ty. Chú trọng công tác đào tạo tại chỗ, công tác đào tạo nâng cao cho nhân viên và đội ngũ quản lý;

- Hàng năm tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho CB.CNV toàn Công ty, chăm lo, hỗ trợ cho CB.CNV có hoàn cảnh khó khăn;

- Duy trì và bổ sung đội ngũ CB.CNV nòng cốt, đảm bảo công bằng và hợp lý trong chi trả lương cho người lao động, tạo tính cạnh tranh trong việc thu hút nguồn lực bên ngoài và giữ chân nguồn lực bên trong;

- Sắp xếp và ổn định bộ máy nhân sự, đảm bảo bố trí nhân sự đúng người, đúng việc;

- Không ngừng nâng cao chất lượng nhân sự, tạo tính năng động trong sự phát triển hướng tới sự hứng khởi trong công việc cho nhân viên cũng như khả năng phát huy tối đa năng lực của bản thân. Hoàn thiện các chính sách bổ nhiệm - thăng tiến cho nhân viên xuất sắc;

- Tạo ra môi trường làm việc năng động, thân thiện. coi trọng việc xây dựng, củng cố và phát triển nền văn hóa doanh nghiệp. Phát huy truyền thống đoàn kết, vun đắp môi trường làm việc năng động, thân ái và minh bạch nhằm tạo ra sức mạnh sáng tạo trong sản xuất kinh doanh, là công cụ kết nối tập thể người lao động, cùng phấn đấu hết lòng, hết sức để gìn giữ, bảo vệ và phát triển thương hiệu "Bông Bạch Tuyết".

3.7 Thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, hướng tới phát triển bền vững.

- Nghiên cứu các nguồn năng lượng sạch, hiệu quả,... nhằm giảm thiểu tác hại của môi trường. Thực hiện báo cáo giám sát môi trường, báo cáo quan trắc định kỳ,...v.v nhằm giảm khí thải và tạo môi trường làm việc xanh – sạch – đẹp;

- Bông Bạch Tuyết cam kết thực hiện nghiêm túc các biện pháp bảo vệ môi trường, sử dụng có hiệu quả các nguồn năng lượng hiện có. Việc thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường là việc làm cần thiết thể hiện quyết tâm của Bông Bạch Tuyết hướng đến sự phát triển bền vững trong tương lai, quyết tâm trở thành doanh nghiệp kinh doanh có trách nhiệm.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai/Development plans in future:

- Đẩy nhanh tốc độ bán hàng;

- Đầu tư và cải tiến máy móc theo hướng công nghệ hiện đại;

- Số hóa và ứng dụng công nghệ trong quản lý;

- Bổ sung và đào tạo phát triển nguồn nhân lực;

- Truyền thông mạnh mẽ thương hiệu BBT xuyên suốt trong năm 2021.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có)- (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần)/Explanation of the Board of Management for auditor's opinions (if any) - (In case the auditor's opinions are not unqualified).

- Theo Báo cáo tài chính ("BCTC") năm 2020 đã được kiểm toán của Công ty, Đơn vị kiểm toán độc lập là Công Ty TNHH Kiểm Toán và Tư vấn A&C đã đưa ra những ý kiến kiểm toán ngoại trừ liên quan đến một số công nợ có giá trị sổ sách như sau:

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số dư tại ngày 31/12/2020 (VNĐ)	Số dư tại ngày 31/12/2019 (VNĐ)
Các khoản phải trả không rõ đối tượng	V.17a	6,077,702,212	10,977,702,212

- Công ty CP Bông Bạch Tuyết (BBT) xin giải trình rằng: Đây là số dư công nợ phải trả không xác định đối tượng tại số dư đầu năm 2009 đã được giảm dần cho đến nay. Theo kết luận thanh tra toàn diện Công ty CP Bông Bạch Tuyết số 296/KL-TTTP-P2 ngày 02/06/2010 của Thanh tra Thành Phố và thông báo số 273/TB-VP ngày 30/04/2011 của UBND TP Hồ chí Minh và theo BCTC năm 2009 đã kiểm toán những công nợ tồn đọng trong giai đoạn từ 2005 đến 2008. Giai đoạn này tình hình sản xuất trì trệ, hoạt động kinh doanh bị thua lỗ nhiều năm dẫn đến BBT phải ngưng hoạt động sản xuất từ tháng 08/2008 và đến tháng 09/2009 mới bắt đầu hoạt động lại. Vì hạn chế về việc xác nhận số dư đầu năm 2009 từ các đối tượng phải thu, phải trả (thiếu biên bản xác nhận số dư công nợ đầu năm và cũng như việc không thể xác minh tính đúng đắn của các khoản công nợ nói trên) nên Đơn vị kiểm toán độc lập đã đưa ra ý kiến ngoại trừ về các khoản này tại BTCT năm 2009. Do các số liệu này vẫn chưa xử lý hoàn tất nên các số liệu này vẫn được giữ nguyên trong ý kiến kiểm toán ngoại trừ của các BCTC các năm tiếp theo từ năm 2009 đến năm 2020.

- Dự kiến năm 2021, Công ty Cổ Phần Bông Bạch Tuyết sẽ tiến hành tiếp tục đề xuất xử lý dần theo đúng quy định của quy chế tài chính của Công ty và theo pháp luật hiện hành.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty/Assessment Report related to environmental and social responsibilities of the Company

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...)/ *Assessment concerning the environmental indicators (water consumption, energy, emissions, etc.): Công ty thực hiện đúng các qui định của nhà nước về các chỉ tiêu môi trường, sử dụng nước, năng lượng, xử lý nước thải theo qui định của Khu công nghiệp Vĩnh Lộc và các qui định khác của nhà nước trên địa bàn.*

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động/*Assessment concerning the labor issues: Công ty lo đủ việc làm cho công nhân viên, đảm bảo thu nhập và thực hiện tốt các chế độ chính sách đối với Người lao động, nên Người lao động*

an tâm công tác, tích cực lao động sản xuất công tác để hoàn thành nhiệm vụ được giao.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương/*Assessment concerning the corporate responsibility for the local community: Công ty thực hiện đúng các qui định của địa phương trên địa bàn hoạt động, đóng góp hỗ trợ theo trả năng của Doanh nghiệp.*

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần)/ Assessments of the Board of Directors on the Company's operation (for joint stock companies)

1. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội/ Assessments of the Board of Directors on the Company's operation, including the assessment related to environmental and social responsibilities.*

Hoạt động năm 2020 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Bông Bạch Tuyết đã tiếp tục tập trung vào công tác quản lý, chỉ đạo và giám sát Ban điều hành trong việc tổ chức thực hiện các mục tiêu nhiệm vụ năm 2020 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị; qua đó đã thúc đẩy các mặt hoạt động của Công ty, góp phần thực hiện đạt kết quả đối với các mục tiêu, nhiệm vụ năm 2020.

Các mặt hoạt động của Công ty đã có sự chuyển biến tích cực, cụ thể theo số liệu Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán:

- Tổng doanh thu thực hiện năm 2020 là 155,51 tỷ đồng, đạt 132,78% so với năm 2019 và đạt 110,32% kế hoạch năm 2020.

- Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp thực hiện năm 2020 là 28,94 tỷ đồng, đạt 132,51% so với năm 2019 và đạt 152,40% kế hoạch năm 2020.

- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp thực hiện năm 2020 là 25,59 tỷ đồng, đạt 147,15% so với năm 2019.

2. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty/Assessment of Board of Directors on Board of Management s performance*

- Hội đồng Quản trị thực hiện việc giám sát thông qua các thông tin trên các báo cáo tài chính, báo cáo kết quả hoạt động của Công ty theo định kỳ do Ban Điều hành Công ty trình tại các cuộc họp định kỳ hàng quý và đột xuất của Hội đồng Quản trị.

- Trong năm 2020, HĐQT đã tăng cường công tác chỉ đạo, giám sát tình hình thực hiện nghị quyết của ĐHĐCĐ, các nghị quyết của HĐQT.

- Hoạt động giám sát của Hội đồng Quản trị đối với Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác trong việc điều hành Công ty được thực hiện nghiêm túc, minh bạch và đảm bảo lợi ích cho cổ đông.

- Kết quả giám sát cho thấy Ban Tổng Giám đốc Công ty và các cán bộ quản lý khác đã tuân thủ theo đúng Điều lệ, quy chế, quy định của Công ty và

các quy định hiện hành của Nhà nước. Triển khai thực hiện theo đúng tinh thần Nghị quyết của ĐHĐCĐ và Nghị quyết của HĐQT.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị/Plans and orientations of the Board of Directors

- Trong năm 2020, tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty đã bắt đầu đạt được những kết quả khởi sắc, với doanh thu và lợi nhuận có sự tăng trưởng tốt. Bằng việc tiếp tục với sự chỉ đạo sát sao cùng sự nỗ lực của Ban Điều hành và toàn thể nhân viên Công ty, HĐQT kỳ vọng Công ty sẽ đạt kết quả tốt để tiến tới xóa lỗ lũy kế và hướng tới có cổ tức cho cổ đông.

- Giữ vững và mở rộng thị trường. Nâng cao năng lực cạnh tranh để chủ động hội nhập với các nước trong khu vực ASEAN.

- Nghiên cứu tổ chức sản xuất hợp lý, đầu tư đổi mới công nghệ, nâng cao chất lượng sản phẩm, nâng cao năng suất lao động.

V. Quản trị công ty/Corporate governance

1. Hội đồng quản trị/Board of Directors

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị/ *Members and structure of the Board of Directors*: (danh sách thành viên Hội đồng quản trị, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành, nêu rõ thành viên độc lập và các thành viên khác; số lượng chức danh thành viên Hội đồng quản trị, chức danh quản lý do từng thành viên Hội đồng quản trị của công ty nắm giữ tại các công ty khác/(*The list of members of the Board of Directors, ownership percentages of voting shares and other securities issued by the company, the list of independent members and other members; the list of positions that a member of the Board of Directors at the Company hold at other companies*).

Stt No.	Thành viên HĐQT	Chức vụ (thành viên HĐQT độc lập, TVHĐQT không điều hành)	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/HĐQT độc lập		Tỷ lệ sở hữu cổ phần
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm	
1.	Ông/Mr. Đoàn Văn Sơn	Chủ tịch	26/02/2021		0 CP
		Phó Chủ tịch		26/02/2021	
2.	Ông/Mr. Nguyễn Khánh Linh	Phó Chủ tịch	26/02/2021		0 CP
		Chủ tịch		26/02/2021	
3.	Ông/Mr. Nguyễn Đông Hải	Thành viên	26/6/2019		0 CP

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị/the committees of the Board of Directors: (Liệt kê các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị và thành viên trong từng tiểu ban/The list of the subcommittees of the Board of Directors and list of members of each subcommittee): Không có.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị/Activities of the Board of Directors: đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của các cuộc họp/Assessing activities of the Board of Directors and specifying the number of Board of Directors meetings, their contents and results.

- Các cuộc họp HĐQT/Meetings of the Board of Directors:

Stt No.	Thành viên HĐQT/ Board of Director' member	Số buổi họp HĐQT tham dự/ Number of meetings attended by Board of Directors	Tỷ lệ tham dự họp/ Attendance rate	Lý do không tham dự họp/Reasons for absence
1.	Ông/Mr. Nguyễn Khánh Linh	16	100%	
2.	Ông/Mr. Đoàn Văn Sơn	16	100%	
3.	Ông/Mr. Nguyễn Đông Hải	16	100%	

- Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị:

Stt No.	Số Nghị quyết/ Quyết định Resolution/Decision No.	Ngày Date	Nội dung Content
1.	01/2020/NQ-HĐQT	03/1/2020	- Thông qua thưởng hiệu quả công việc cho Ban Điều hành Công ty.
2.	02/2020/NQ-HĐQT	03/1/2020	- Thông qua việc đăng ký phương thức ký và thẩm quyền ký duyệt theo hạn mức tại các ngân hàng.
3.	03/2020/NQ-HĐQT	13/2/2020	- Thông qua việc miễn nhiệm vị trí Phó Tổng Giám đốc phụ trách Kỹ thuật sản xuất Công ty.
4.	04/2020/NQ-HĐQT	04/3/2020	- Thông qua việc miễn nhiệm vị trí Tổng Giám đốc kiêm Người đại diện theo pháp luật Công ty. - Thông qua việc bổ nhiệm Tổng Giám

			đốc kiêm Người đại diện theo pháp luật mới thay thế.
5.	05/2020/NQ-HĐQT	16/3/2020	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua danh mục và ngân sách đầu tư sửa chữa xưởng. - Thông qua việc điều chỉnh mức lương của Ban Điều hành Công ty. - Thông qua việc sửa đổi Quy chế tài chính Công ty.
6.	06/2020/NQ-HĐQT	16/3/2020	- Thống nhất tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020, với ngày đăng ký cuối cùng là 06/04/2020.
7.	07/2020/NQ-HĐQT	20/3/2020	- Thông qua việc vay vốn tại Ngân hàng Liên doanh Việt Nga – Chi nhánh TP.HCM.
8.	08/2020/NQ-HĐQT	20/3/2020	- Thông qua việc vay vốn tại Ngân hàng Liên doanh Việt Nga – Chi nhánh TP.HCM.
9.	09/2020/NQ-HĐQT	10/4/2020	- Thống nhất Ông Đoàn Văn Sơn giữ vị trí Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2019 – 2024.
10.	10/2020/NQ-HĐQT	10/4/2020	- Thông qua Hợp đồng tư vấn tổ chức Đại hội đồng cổ đông với Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành Công, tổ chức có liên quan của Thành viên Hội đồng quản trị.
11.	11/2020/NQ-HĐQT	10/4/2020	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua lịch và kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020. - Thông qua chương trình và tài liệu họp trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020. - Thông qua phương án tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020. - Thông qua nhân sự dự kiến tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020. - Thông qua Phương án giải quyết công nợ của Công ty.

12.	11A/2020/NQ-HĐQT	29/4/2020	- Thống nhất thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.
13.	12/2020/NQ-HĐQT	07/5/2020	- Thông qua việc đăng ký phương thức ký và thẩm quyền ký duyệt theo hạn mức tại các ngân hàng.
14.	13/2020/NQ-HĐQT	18/5/2020	- Thống nhất lại thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.
15.	14/2020/NQ-HĐQT	11/6/2020	- Thông qua việc triển khai thực hiện phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ.
16.	15/2020/NQ-HĐQT	25/6/2020	- Thông qua việc vay vốn tại Công ty TNHH Đầu tư Sài Gòn 3 Capital, tổ chức có liên quan của Thành viên Hội đồng quản trị.
17.	16/2020/NQ-HĐQT	09/7/2020	- Thông qua phương án sử dụng vốn chi tiết thu được từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ.
18.	17/2020/NQ-HĐQT	22/9/2020	- Thông qua kết quả chào bán cổ phiếu riêng lẻ. - Thông qua việc đăng ký lưu ký cổ phiếu. - Thông qua Điều lệ Công ty sửa đổi. - Thông qua Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sửa đổi.
19.	18/2020/NQ-HĐQT	24/9/2020	- Thông qua việc đồng ý với đề nghị chào mua công khai cổ phiếu BBT của Công ty TNHH Đầu tư Sài Gòn 3 Capital. - Thông qua đánh giá của Hội đồng quản trị đối với việc chào mua công khai của Công ty TNHH Đầu tư Sài Gòn 3 Capital.
20.	19/2020/NQ-HĐQT	13/10/2020	- Thông qua việc vay vốn tại Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP.HCM.
21.	20/2020/NQ-HĐQT	30/12/2020	- Thông qua kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập/ *Activities of the Board of Directors independent members*. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị/*Activities of the Board of Directors' subcommittees*: (đánh giá hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của từng tiểu ban, nội dung và kết quả của các cuộc họp/*Assessing*

activities of the subcommittees of the Board of Directors, specifying the number of meetings of each subcommittee, their contents and results).

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm/the list of members of the Board of Directors possessing certificates on corporate governance. The list of members of the Board of Directors participating in corporate governance training programs in the year:

Các thành viên HĐQT là người cư trú, thành viên BKS, Tổng Giám đốc điều hành và Thư ký công ty sẽ tham gia các khóa đào tạo về quản trị công ty theo quy định khi có khóa đào tạo phù hợp.

2. Ban Kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán /Board of Supervisors/Audit Committee

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán/Members and structure of the Board of Supervisors/ Audit Committee: (danh sách thành viên Ban kiểm soát, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành/The list of members of the Board of Supervisors, ownership percentages of voting shares and other securities issued by the company).

Stt	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS	Trình độ chuyên môn	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành
1	Ông/Mr. Lê Ngọc Hùng	Trưởng ban	26/6/2019	Thạc sĩ Tài chính	0 CP
2	Bà/Ms. Đoàn Thị Thu Sương	Thành viên	26/6/2019	Thạc sĩ Tài chính	0 CP
3	Ông/Mr. Lê Phan Hoàng Long	Thành viên	Bổ nhiệm 26/6/2019 Miễn nhiệm 05/6/2020	Cử nhân Kinh tế - chuyên ngành: Kế toán kiểm toán	0 CP
4	Ông/Mr. Phạm Mạnh Bằng	Thành viên	05/6/2020	Cử nhân Tài chính ngân hàng	0 CP

b) Hoạt động của Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán/ Activities of the Board of Supervisors/ Audit Committee: (đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát/ Ủy ban

kiểm toán, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán, nội dung và kết quả của các cuộc họp/Assessing activities of the Board of Supervisors/ Audit Committee, specifying the number of Board of Supervisors/ Audit Committee's meetings, their contents and results).

Stt	Thành viên BKS/ Ủy ban Kiểm toán	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự họp
1.	Ông/Mr. Lê Ngọc Hùng	12	92%		
2.	Bà/Ms. Đoàn Thị Thu Sương	13	100%		
3.	Ông/Mr. Lê Phan Hoàng Long	1	8%		Miễn nhiệm từ ngày 05/6/2020
4.	Ông/Mr. Phạm Mạnh Bằng	4	31%		Bổ nhiệm từ ngày 05/6/2020

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán/Transactions, remunerations and benefits of the Board of Directors, Board of Management and Board of Supervisors/ Audit Committee.

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích/Salary, rewards, remuneration and benefits; (Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý. Giá trị các khoản thù lao, lợi ích và chi phí này phải được công bố chi tiết cho từng người, ghi rõ số tiền cụ thể. Các khoản lợi ích phi vật chất hoặc các khoản lợi ích chưa thể/không thể lượng hoá bằng tiền cần được liệt kê và giải trình đầy đủ/ Salary, rewards, remuneration and other benefits and expenses for each member of the Board of Directors, the Board of Supervisors/ Audit Committee, Director and General Director and managers. Values of such remuneration, benefits and expenses shall be disclosed in details for each person. Non-material benefits which have not been/cannot be quantified by cash shall be listed and explained).

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao HĐQT/TK/BKS năm 2020 (VNĐ)	Ghi Chú
1	Ông/Mr. Nguyễn Khánh Linh	Chủ tịch HĐQT	120,000,000	
2	Ông/Mr. Đoàn Văn Sơn	Phó Chủ tịch HĐQT	96,000,000	
3	Ông/Mr. Nguyễn Đông Hải	Thành viên HĐQT	84,000,000	
4	Bà/Ms. Đoàn Thị Thu Sương	Thư ký	24,000,000	

5	Ông/Mr. Lê Ngọc Hùng	Trưởng BKS	48,000,000	
6	Ông/Mr. Lê Phan Hoàng Long	Thành viên BKS	5,000,000	
7	Bà/Ms. Đoàn Thị Thu Sương	Thành viên BKS	24,000,000	
8	Ông/Mr. Phạm Mạnh Bằng	Thành viên BKS	14,000,000	
TỔNG CỘNG			415,000,000	

b) Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ/*Share transactions by internal shareholders*: (Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, Thư ký công ty, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên/*Information about share transactions of members of Board of Directors, members of the Board of Supervisors/ Audit Committee, Director (General Director), Chief Accountant, the company's managers, secretaries, major shareholders and their affiliated persons*).

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Công ty TNHH Đầu tư Sài Gòn 3 Capital	Ông Nguyễn Đông Hải – TGD	769.360	7,8%	2.351.359	23,99%	Đầu tư
2	Công ty Cổ phần Dệt May Gia Định	Ông Đoàn Văn Sơn – Chủ tịch HĐQT	2.052.000	20,9%	3.430.001	35%	Đầu tư
3	Đoàn Thị Thu Sương	TV.BKS	100	0.001%	0	0%	Tái cơ cấu danh mục đầu tư
4	Nguyễn Đông Hải	TV.HĐQT	100	0.001%	0	0%	Tái cơ cấu danh mục đầu tư
5	Nguyễn Quốc Việt	Người có liên quan CT.HĐQT	500	0.007%	0	0	Tái cơ cấu danh mục đầu tư

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ/ *Contracts or transactions with internal shareholders*: Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với công ty, các công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán, Giám đốc (Tổng Giám đốc), các cán bộ quản lý và những người liên quan tới các đối tượng nói trên/*Information about the contracts, or transactions signed or executed in the year by the members of the Board of Directors, Board of Supervisors/ Audit Committee, Director (General Director), managers and affiliated persons with the Company, subsidiaries, and other companies in which the Company holds the control right.*

STT	Giao dịch	Ghi chú
1.	BBB ký kết Hợp đồng tư vấn tổ chức ĐHCĐ với Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành Công (tổ chức có liên quan của Thành viên Hội đồng quản trị).	
2.	BBT ký kết Hợp đồng vay vốn với bên cho vay là Công ty TNHH Đầu tư Sài Gòn 3 Capital (tổ chức có liên quan của Thành viên Hội đồng quản trị). Giá trị Hợp đồng: 6.000.000.000 đồng.	

d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty/*Assessing the Implementation of regulations on corporate governance*: (Nêu rõ những nội dung chưa thực hiện được theo quy định pháp luật về quản trị công ty. Nguyên nhân, giải pháp và kế hoạch khắc phục/kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty/*Specifying the contents which have not been implemented in accordance with the laws on corporate governance, specifying reasons and solutions to improve the efficiency of corporate governance*):

- Hoạt động giám sát của HĐQT:

+ Hội đồng Quản trị thực hiện việc giám sát thông qua các thông tin trên các báo cáo tài chính, báo cáo kết quả hoạt động của Công ty theo định kỳ do Ban Điều hành Công ty trình tại các cuộc họp định kỳ hàng quý và đột xuất của Hội đồng Quản trị.

+ Hội đồng Quản trị tập trung chỉ đạo và giám sát Ban Điều hành thông qua tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh của Công ty theo Nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông và/hoặc của HĐQT Công ty.

+ Giám sát quá trình thực hiện thông qua các báo cáo theo dõi tiến độ, đảm bảo hiệu quả, an toàn, tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy định, quy chế nội bộ của Công ty.

- Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành và cổ đông:

+ Ban kiểm soát thực hiện việc giám sát đối với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành và cổ đông thông qua cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, các cuộc họp

của HĐQT. Ngoài ra, hàng tháng Ban kiểm soát xem xét báo cáo tài chính của Công ty. Trường hợp có thông tin hoặc kiểm tra thấy có bất thường thì Ban kiểm soát trực tiếp đến làm việc với Công ty.

+ Ngoài cuộc họp riêng của BKS, trong năm 2020, Ban kiểm soát còn tham gia cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và các cuộc họp định kỳ của Hội đồng quản trị.

VI. Báo cáo tài chính/ *Financial statements*

1. Ý kiến kiểm toán/*Auditor's opinions:*

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Chúng tôi chưa được cung cấp đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác không rõ đối tượng có giá trị sổ sách là 6.077.702.212 VND (xem thuyết minh số V.17a trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính).

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bông Bạch Tuyết tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán/*Audited financial statements* (Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm:

Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán. Trường hợp theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán, công ty phải lập Báo cáo tài chính hợp nhất hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp thì Báo cáo tài chính trình bày trong Báo cáo thường niên là Báo cáo tài chính hợp nhất hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp đồng thời nêu địa chỉ công bố, cung cấp báo cáo tài chính của công ty mẹ/ *Audited annual financial statements include: Balance sheet; Income statement; Cash flow statement; Financial Statements Explanation. In case the company has to prepare consolidated or general Financial Statements in accordance with the law on accounting and audit, the Financial Statements presented in the Annual Reports shall be the consolidated Financial Statements; and clearly state the addresses where the financial statements of the parent company to be published and provided*); **File Báo cáo tài chính năm 2020 đã kiểm toán kèm theo.**

Nơi nhận:
Recipients:

-;
- Lưu: VT, ...
- Archived:...

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO
PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

**CONFIRMATION BY THE
COMPANY'S LEGAL
REPRESENTATIVE**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)
(Signature, full name and seal)



[Handwritten signature]



NGUYỄN KHÁNH LINH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020

**CÔNG TY CỔ PHẦN
BÔNG BẠCH TUYẾT**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Hội đồng quản trị	2 - 3
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	13 - 33

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Bông Bạch Tuyết (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Bông Bạch Tuyết hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300715584, đăng ký lần đầu ngày 28 tháng 5 năm 1998 và đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 09 tháng 3 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : 550 Âu Cơ, Phường 10, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh.
- Điện thoại : +84 (028) 3975 1493 – 3765 2516
- Fax : +84 (028) 3974 4024 – 3765 2515

Công ty có Nhà máy sản xuất đặt tại địa chỉ B52-B54/I đường 2E, Khu công nghiệp Vĩnh Lộc, xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh.

Hoạt động kinh doanh Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Sản xuất và kinh doanh các loại bông y tế, băng vệ sinh phụ nữ và các sản phẩm khác từ bông băng;
- Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp;
- Mua bán máy móc thiết bị ngành công nghiệp – xây dựng – điện – điện tử;
- Kinh doanh các loại bông y tế, băng vệ sinh phụ nữ và các sản phẩm khác từ bông băng;
- Mua bán lương thực, thực phẩm, trang thiết bị y tế, hàng gia dụng, văn phòng phẩm, văn hoá phẩm có nội dung được phép lưu hành;
- Môi giới thương mại; kinh doanh nhà ở; cho thuê văn phòng;
- Sản xuất và mua bán các loại băng, gạc y tế;
- Kinh doanh dịch vụ ăn uống, nhà hàng, dịch vụ giữ xe;
- Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa làm bóng và chế phẩm vệ sinh;
- Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hình chức năng.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

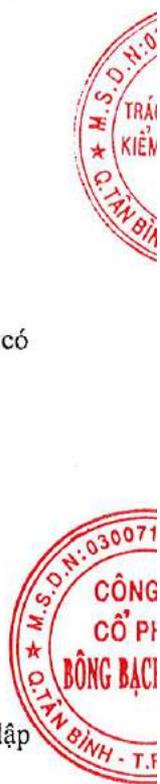
Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Nguyễn Khánh Linh	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 26 tháng 02 năm 2021
Ông Đoàn Văn Sơn	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 02 năm 2021
Ông Đoàn Văn Sơn	Phó Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 26 tháng 02 năm 2021
Ông Nguyễn Khánh Linh	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 02 năm 2021
Ông Nguyễn Đông Hải	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2019

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Lê Ngọc Hùng	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2019
Ông Lê Phan Hoàng Long	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 05 tháng 6 năm 2020
Bà Đoàn Thị Thu Sương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2019
Ông Phạm Mạnh Bằng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 05 tháng 6 năm 2020



Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Nguyễn Khánh Linh	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2021
Ông Phạm Xuân Đồng	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2021
Ông Phạm Xuân Đồng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2021
Bà Ngô Thị Thu Trang	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 8 năm 2019

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Phạm Xuân Đồng	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2021
Ông Nguyễn Khánh Linh	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2021

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

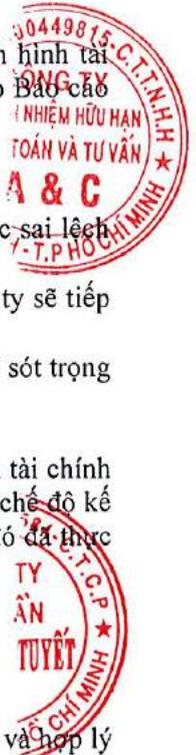
Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Hội đồng quản trị,



Nguyễn Khánh Linh
Phó Chủ tịch
Tổng Giám đốc

Ngày 24 tháng 3 năm 2021



Số: 1.0550/21/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG BẠCH TUYẾT**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Bông Bạch Tuyết (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 24 tháng 3 năm 2021, từ trang 06 đến trang 33, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Chúng tôi chưa được cung cấp đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến khoản phải trả ngắn hạn khác không rõ đối tượng có giá trị sổ sách tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 lần lượt là 6.077.702.212 VND và 10.977.702.212 VND (xem thuyết minh số V.17a trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính).

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bông Bạch Tuyết tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Nguyễn Chí Dũng - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0100-2018-008-1



Võ Thành Công - Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1033-2018-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 3 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG BẠCH TUYẾT

Địa chỉ: 550 Âu Cơ, Phường 10, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		109.619.085.821	67.137.701.989
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	47.570.104.781	8.145.220.076
1. Tiền	111		39.570.104.781	8.145.220.076
2. Các khoản tương đương tiền	112		8.000.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		6.009.407.892	5.150.256.492
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2	6.048.007.566	188.843.565
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	V.2	(38.599.674)	(38.587.074)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	5.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		30.190.363.541	28.609.332.689
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	29.020.418.169	22.500.405.914
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	1.616.688.471	5.828.794.246
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	3.010.958.721	3.737.834.349
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(3.457.701.820)	(3.457.701.820)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		24.436.396.395	25.023.386.919
1. Hàng tồn kho	141	V.7	24.529.019.080	25.023.386.919
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.7	(92.622.685)	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.412.813.212	209.505.813
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	195.611.611	114.665.304
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.049.397.574	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14	167.804.027	94.840.509
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG BẠCH TUYẾT

Địa chỉ: 550 Âu Cơ, Phường 10, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		57.418.309.784	32.288.041.851
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		50.511.745.982	26.235.472.725
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	50.495.629.411	26.211.276.158
- Nguyên giá	222		100.420.792.209	74.450.618.441
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(49.925.162.798)	(48.239.342.283)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	16.116.571	24.196.567
- Nguyên giá	228		40.400.000	40.400.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(24.283.429)	(16.203.433)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		354.591.000	1.254.342.425
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	354.591.000	1.254.342.425
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		6.551.972.802	4.798.226.701
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	6.551.972.802	4.798.226.701
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		167.037.395.605	99.425.743.840

CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG BẠCH TUYẾT

Địa chỉ: 550 Âu Cơ, Phường 10, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		43.169.902.892	55.905.521.502
I. Nợ ngắn hạn	310		42.556.026.892	55.290.156.605
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	7.202.598.413	5.366.446.649
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	9.675.101.411	9.118.157.271
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	2.559.534.559	4.479.793.915
4. Phải trả người lao động	314	V.15	6.924.635.454	4.837.997.363
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	6.009.116.920	8.748.145.360
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17a, c	10.060.674.685	16.564.850.597
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18	-	6.000.000.000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.19	124.365.450	174.765.450
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		613.876.000	615.364.897
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.17b, c	613.876.000	615.364.897
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG BẠCH TUYẾT

Địa chỉ: 550 Âu Cơ, Phường 10, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		123.867.492.713	43.520.222.338
I. Vốn chủ sở hữu	410		123.867.492.713	43.520.222.338
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.20	98.000.000.000	68.400.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		98.000.000.000	68.400.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.20	25.160.000.000	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.20	9.474.344.616	9.474.344.616
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.20	(8.766.851.903)	(34.354.122.278)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		(34.354.122.278)	(34.354.122.278)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		25.587.270.375	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		167.037.395.605	99.425.743.840

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 3 năm 2021


 Ngô Thị Thu Trang
 Kế toán trưởng/Người lập


 Nguyễn Khánh Linh
 Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG BẠCH TUYẾT

Địa chỉ: 550 Âu Cơ, Phường 10, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	155.209.786.393	116.895.775.175
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	10.497.326.418	8.294.851.177
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		144.712.459.975	108.600.923.998
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	86.018.637.472	70.371.458.172
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		58.693.822.503	38.229.465.826
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	486.590.004	1.313.285.768
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	278.714.782	60.710.181
Trong đó: chi phí lãi vay	23		275.616.437	59.863.014
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6	15.700.794.960	6.561.298.532
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	19.026.544.667	14.968.250.216
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		24.174.358.098	17.952.492.665
11. Thu nhập khác	31	VI.8	5.160.521.221	4.392.305.519
12. Chi phí khác	32	VI.9	391.733.782	501.291.472
13. Lợi nhuận khác	40		4.768.787.439	3.891.014.047
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		28.943.145.537	21.843.506.712
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.14	3.355.875.162	4.458.121.117
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		25.587.270.375	17.385.385.595
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	3.284	2.542
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	3.284	2.542

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 3 năm 2021



Ngô Thị Thu Trang
Kế toán trưởng/Người lập



CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG BẠCH TUYẾT

Địa chỉ: 550 Âu Cơ, Phường 10, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		28.943.145.537	21.843.506.712
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9, 10	4.193.793.485	3.228.439.312
- Các khoản dự phòng	03	V.2, 7, 19	42.235.285	26.305.500
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.4, 9	(352.252.953)	(1.320.631.674)
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	275.616.437	59.863.014
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		33.102.537.791	23.837.482.864
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(7.562.164.538)	(5.123.261.263)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		494.367.839	(1.871.065.552)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(1.845.834.494)	4.201.337.666
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(1.834.692.408)	385.089.305
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		(5.859.164.001)	1.289.226.708
- Tiền lãi vay đã trả	14	V.16, VI.5	(3.324.906.186)	(24.613.578.417)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.14	(5.145.969.529)	(2.811.317.321)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		8.024.174.475	(4.706.086.010)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.4, 9, 11	(23.358.573.567)	(10.488.359.935)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	V.9, VI.9	210.000.000	310.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(10.000.000.000)	(26.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		15.000.000.000	41.200.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5, VI.4	789.283.797	1.066.226.053
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(17.359.289.770)	6.087.866.118

CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG BẠCH TUYẾT

Địa chỉ: 550 Âu Cơ, Phường 10, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	V.20a	54.760.000.000	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.18	6.000.000.000	22.700.779.288
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.18	(12.000.000.000)	(18.000.000.000)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<u><i>48.760.000.000</i></u>	<u><i>4.700.779.288</i></u>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		39.424.884.705	6.082.559.396
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	8.145.220.076	2.062.660.680
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	<u>47.570.104.781</u>	<u>8.145.220.076</u>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 3 năm 2021



Ngô Thị Thu Trang
Kế toán trưởng/Người lập



Nguyễn Khánh Linh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG BẠCH TUYẾT

Địa chỉ: 550 Âu Cơ, Phường 10, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bông Bạch Tuyết (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất và kinh doanh thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất và kinh doanh các loại bông y tế, băng vệ sinh phụ nữ và các sản phẩm khác từ bông băng; mua bán trang thiết bị y tế, các loại băng, gạc y tế.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

6. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 194 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 179 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG BẠCH TUYẾT

Địa chỉ: 550 Âu Cơ, Phường 10, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG BẠCH TUYẾT

Địa chỉ: 550 Âu Cơ, Phường 10, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Cổ phiếu hoán đổi được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi. Giá trị hợp lý của cổ phiếu được xác định như sau:

- Đối với cổ phiếu của công ty niêm yết, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa niêm yết trên thị trường chứng khoán tại ngày trao đổi. Trường hợp tại ngày trao đổi thị trường chứng khoán không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá giao dịch đóng cửa trên sàn UPCOM tại ngày trao đổi. Trường hợp ngày trao đổi sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết khác, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá do các bên thỏa thuận theo hợp đồng hoặc giá trị sổ sách tại thời điểm trao đổi.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết trên thị trường chứng khoán: giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến thời điểm kết thúc năm tài chính.
- Đối với cổ phiếu đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết và các doanh nghiệp Nhà nước thực hiện cổ phần hóa dưới hình thức chào bán chứng khoán ra công chúng (UPCOM): giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm kết thúc năm tài chính do Sở Giao dịch chứng khoán công bố.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG BẠCH TUYẾT

Địa chỉ: 550 Âu Cơ, Phường 10, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG BẠCH TUYẾT

Địa chỉ: 550 Âu Cơ, Phường 10, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là tiền thuê đất trả trước và chi phí công cụ, dụng cụ.

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê (50 năm).

Chi phí công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	04 - 50
Máy móc và thiết bị	03 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	07 - 12
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05
Tài sản cố định hữu hình khác	03

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là chương trình phần mềm máy tính. Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG BẠCH TUYẾT

Địa chỉ: 550 Âu Cơ, Phường 10, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

12. Dự phòng trợ cấp thôi việc

Khi người lao động chấm dứt hợp đồng lao động, Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động làm việc thường xuyên tại Công ty từ đủ 12 tháng trở lên đối với thời gian không tham gia đóng bảo hiểm thất nghiệp. Dự phòng trợ cấp thôi việc được trích lập với mức bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề gần nhất tính đến thời điểm lập Báo cáo tài chính cho 01 năm làm việc.

Tăng, giảm số dư dự phòng trợ cấp thôi việc cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

13. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG BẠCH TUYẾT

Địa chỉ: 550 Âu Cơ, Phường 10, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

14. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG BẠCH TUYẾT

Địa chỉ: 550 Âu Cơ, Phường 10, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

16. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh chiết khấu thương mại, hàng bán trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm nay.
- Nếu khoản chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm sau.

17. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

18. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG BẠCH TUYẾT

Địa chỉ: 550 Âu Cơ, Phường 10, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG BẠCH TUYẾT

Địa chỉ: 550 Âu Cơ, Phường 10, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	338.739.635	841.882.979
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	39.231.365.146	7.303.337.097
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng)	8.000.000.000	-
Cộng	<u>47.570.104.781</u>	<u>8.145.220.076</u>

2. Chứng khoán kinh doanh

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
<i>Cổ phiếu</i>						
Công ty Cổ phần Bánh kẹo Biên Hòa (BBC)	144.545.500	224.670.500	-	144.545.500	187.492.500	-
Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Xuất nhập khẩu Bình Thạnh (GIL)	25.042	42.000	-	25.042	-	-
Công ty Cổ phần Sữa Hà Nội (HNM)	43.320.000	5.280.000 (38.040.000)		43.320.000	5.400.000 (37.920.000)	
Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh (REE)	827.826	342.650 (485.176)		827.826	255.500 (572.326)	
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín (STB)	125.198	50.700 (74.498)		125.197	30.450 (94.748)	
Công ty Cổ phần Pin ắc quy Miền Nam	5.859.164.000	6.326.100.000	-	-	-	-
Cộng	<u>6.048.007.566</u>	<u>6.556.485.850 (38.599.674)</u>		<u>188.843.565</u>	<u>193.178.450 (38.587.074)</u>	

Tình hình biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	38.587.074	3.457.198.050
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng	12.600	(2.194.500)
Giảm do bán chứng khoán	-	(3.416.416.476)
Số cuối năm	<u>38.599.674</u>	<u>38.587.074</u>

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Tân Hà Sáng	-	5.351.651.981
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha	4.789.368.557	2.201.099.430
Công ty TNHH Thiết bị Y tế EMC	4.515.768.125	4.720.136.635
Công ty Cổ phần Brian Việt Nam	2.940.518.160	-
Nợ phải thu không rõ đối tượng (đã lập dự phòng)	1.134.256.732	1.134.256.732
Các khách hàng khác	15.640.506.595	9.093.261.136
Cộng	<u>29.020.418.169</u>	<u>22.500.405.914</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG BẠCH TUYẾT

Địa chỉ: 550 Âu Cơ, Phường 10, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
Công ty TNHH Nội hơi Đình Việt		-		1.892.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Green World		-		1.684.188.542
Công ty TNHH MTV Cơ khí Thương mại Xây dựng Lê Hoàng Tuấn		-		639.537.800
Công ty Cổ phần Phần mềm Bravo	475.116.000			-
Công ty TNHH Thịnh Gia Huy	382.800.000			-
Các nhà cung cấp khác	758.772.471			1.613.067.904
Cộng		1.616.688.471		5.828.794.246

Trong đó, khoản ứng trước tiền để mua tài sản cố định cuối năm là 1.010.399.500 VND (số đầu năm là 5.541.750.419 VND).

5. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu bên liên quan</i>	<i>76.000.000</i>	-	-	-
Bà Ngô Thị Thu Trang - phải thu khác	76.000.000	-	-	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>2.934.958.721</i>	<i>2.253.218.672</i>	<i>3.737.834.349</i>	<i>2.253.218.672</i>
Tạm ứng cho nhân viên	126.652.494	-	536.034.483	-
Lãi dự thu	10.432.877	-	337.854.552	-
Các khoản ký quỹ	50.000.000	-	-	-
Các khoản tạm ứng, phải thu khác không rõ đối tượng	2.200.718.672	2.200.718.672	2.200.718.672	2.200.718.672
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	547.154.678	52.500.000	663.226.642	52.500.000
Cộng	3.010.958.721	2.253.218.672	3.737.834.349	2.253.218.672

6. Nợ xấu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Khoản nợ phải thu khách hàng quá hạn trên 03 năm	1.157.396.052	-	1.157.396.052	-
Khoản nợ trả trước cho người bán quá hạn trên 03 năm	47.087.096	-	47.087.096	-
Khoản nợ tạm ứng quá hạn trên 03 năm	233.937.629	-	233.937.629	-
Khoản nợ phải thu ngắn hạn khác quá hạn trên 03 năm	2.019.281.043	-	2.019.281.043	-
Cộng	3.457.701.820	-	3.457.701.820	-

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	16.682.417.207	-	13.754.750.940	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.711.464.931	-	1.563.379.227	-
Thành phẩm	6.135.136.942	(92.622.685)	9.667.873.477	-
Hàng hóa	-	-	37.383.275	-
Cộng	24.529.019.080	(92.622.685)	25.023.386.919	-

CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG BẠCH TUYẾT

Địa chỉ: 550 Âu Cơ, Phường 10, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	-	-
Trích lập dự phòng trong năm	92.622.685	-
Số cuối năm	92.622.685	-

8. Chi phí trả trước**8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	35.673.585	22.416.669
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	159.938.026	92.248.635
Cộng	195.611.611	114.665.304

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền thuê đất	3.999.463.747	4.135.507.375
Công cụ, dụng cụ	1.592.875.452	662.719.326
Chi phí thi công sửa chữa	959.633.603	-
Cộng	6.551.972.802	4.798.226.701

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	20.239.431.337	49.748.219.819	3.022.692.393	1.037.477.191	402.797.701	74.450.618.441
Mua trong năm	2.065.032.954	4.475.995.273	2.868.833.637	33.744.000	-	9.443.605.864
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	14.455.806.047	4.890.264.000	-	-	-	19.346.070.047
Thanh lý, nhượng bán	(809.305.000)	(1.144.500.000)	(865.697.143)	-	-	(2.819.502.143)
Số cuối năm	35.950.965.338	57.969.979.092	5.025.828.887	1.071.221.191	402.797.701	100.420.792.209
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	2.432.296.840	27.378.676.953	1.456.249.522	578.325.500	70.980.000	31.916.528.815
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	11.327.171.432	33.528.082.644	2.566.429.747	680.501.771	137.156.689	48.239.342.283
Khấu hao trong năm	1.196.827.047	2.472.451.388	338.821.254	95.373.444	82.240.356	4.185.713.489
Thanh lý, nhượng bán	(551.074.312)	(1.083.121.519)	(865.697.143)	-	-	(2.499.892.974)
Số cuối năm	11.972.924.167	34.917.412.513	2.039.553.858	775.875.215	219.397.045	49.925.162.798
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	8.912.259.905	16.220.137.175	456.262.646	356.975.420	265.641.012	26.211.276.158
Số cuối năm	23.978.041.171	23.052.566.579	2.986.275.029	295.345.976	183.400.656	50.495.629.411
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG BẠCH TUYẾT

Địa chỉ: 550 Âu Cơ, Phường 10, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**10. Tài sản cố định vô hình**

	Phần mềm máy tính
Nguyên giá	
Số đầu năm	40.400.000
Số cuối năm	40.400.000
<i>Trong đó:</i>	
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-
Chờ thanh lý	-
Giá trị hao mòn	
Số đầu năm	16.203.433
Khấu hao trong năm	8.079.996
Số cuối năm	24.283.429
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	24.196.567
Số cuối năm	16.116.571
<i>Trong đó:</i>	
Tạm thời chưa sử dụng	-
Đang chờ thanh lý	-

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển vào chi phí trong năm	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	-	-	-	-	-
Xây dựng cơ bản dở dang	1.254.342.425	18.477.682.440	(19.346.070.047)	(31.363.818)	354.591.000
<i>Hạng mục làm mới khu nhà vệ sinh và cải tạo văn phòng</i>	1.254.342.425	1.444.468.206	(2.698.810.631)	-	-
<i>Hạng mục lò hơi tăng sôi công suất 5 tấn/giờ</i>	-	4.890.264.000	(4.890.264.000)	-	-
<i>Hạng mục thi công nhà xưởng sản xuất</i>	-	11.756.995.416	(11.756.995.416)	-	-
<i>Hạng mục thiết kế trồng cây xanh</i>	-	354.591.000	-	-	354.591.000
<i>Hạng mục khác</i>	-	31.363.818	-	(31.363.818)	-
Cộng	1.254.342.425	18.477.682.440	(19.346.070.047)	(31.363.818)	354.591.000

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tổ hợp Dệt Tiền Phương	717.189.000	756.525.000
Công ty Cổ phần Liworldco	-	733.730.425
Công ty TNHH Turkish Asia Tex	973.931.700	-
Các nhà cung cấp khác	5.511.477.713	3.876.191.224
Cộng	7.202.598.413	5.366.446.649

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG BẠCH TUYẾT

Địa chỉ: 550 Âu Cơ, Phường 10, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Địa ốc Tân Phú	9.000.000.000	9.000.000.000
Các khách hàng khác	675.101.411	118.157.271
Cộng	9.675.101.411	9.118.157.271

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>		<u>Số phát sinh trong năm</u>		<u>Số cuối năm</u>	
	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã thực nộp</u>	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	130.164.989	-	182.840.819	(313.005.808)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.310.121.117	-	3.355.875.162	(5.145.969.529)	2.520.026.750	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	94.840.509	508.808.070	(581.771.588)	-	167.804.027
Tiền thuê đất	-	-	1.781.766.350	(1.781.766.350)	-	-
Các loại thuế khác	-	-	4.000.000	(4.000.000)	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	39.507.809	-	-	-	39.507.809	-
Cộng	4.479.793.915	94.840.509	5.833.290.401	(7.826.513.275)	2.559.534.559	167.804.027

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	28.943.145.537	21.843.506.712
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	391.733.782	501.291.472
- Các khoản điều chỉnh giảm	(5.134.289.749)	-
Thu nhập chịu thuế	24.200.589.570	22.344.798.184
Thu nhập được miễn thuế	(230.052.700)	(54.192.600)
Thu nhập tính thuế	23.970.536.870	22.290.605.584
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	4.794.107.374	4.458.121.117
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm⁽ⁱ⁾	(1.438.232.212)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	3.355.875.162	4.458.121.117

(i) Công ty được giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm 2020 theo Nghị định số 114/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 116/2020/QH14 của Quốc hội về giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2020 đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp và tổ chức khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG BẠCH TUYẾT

Địa chỉ: 550 Âu Cơ, Phường 10, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

15. Phải trả người lao động

Tiền lương còn phải thanh toán cho người lao động.

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay phải trả	2.339.748.309	5.389.038.058
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	3.669.368.611	3.359.107.302
Cộng	6.009.116.920	8.748.145.360

17. Phải trả khác

17a. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	2.413.509.743	4.413.509.743
Công ty Cổ phần Dệt may Gia Định – lãi chậm thanh toán	2.400.009.743	4.400.009.743
Thù lao phải trả các thành viên chủ chốt	13.500.000	13.500.000
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	7.647.164.942	12.151.340.854
Kinh phí công đoàn	233.299.422	157.519.686
Các khoản bảo hiểm	327.278.363	-
Công ty Cổ phần Đầu tư PDG – tiền đặt cọc đảm bảo thực hiện hợp đồng hợp tác kinh doanh	1.000.000.000	1.000.000.000
Các khoản phải trả không rõ đối tượng	6.077.702.212	10.977.702.212
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	8.884.945	16.118.956
Cộng	10.060.674.685	16.564.850.597

17b. Phải trả dài hạn khác

Khoản nhận ký quỹ dài hạn.

17c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nợ quá hạn chưa thanh toán cho bên liên quan	2.400.009.743	4.400.009.743
Công ty Cổ phần Dệt May Gia Định	2.400.009.743	4.400.009.743
Nợ quá hạn chưa thanh toán cho các tổ chức và cá nhân khác	7.077.702.212	11.977.702.212
Công ty Cổ phần Đầu tư PDG – tiền đặt cọc đảm bảo thực hiện hợp đồng hợp tác kinh doanh	1.000.000.000	1.000.000.000
Các khoản phải trả không rõ đối tượng	6.077.702.212	10.977.702.212
Cộng	9.477.711.955	16.377.711.955

CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG BẠCH TUYẾT

Địa chỉ: 550 Âu Cơ, Phường 10, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**18. Vay ngắn hạn**

Khoản vay Công ty Cổ phần May Sài Gòn 3 (là bên liên quan) với kỳ hạn 03 tháng, lãi suất 10%/năm. Công ty đã thanh toán trong năm.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	6.000.000.000	1.299.220.712
Số tiền vay phát sinh	6.000.000.000	24.000.000.000
Số tiền vay đã trả	(12.000.000.000)	(18.000.000.000)
Kết chuyển công nợ	-	(1.299.220.712)
Số cuối năm	-	6.000.000.000

19. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng nợ phải trả ngắn hạn liên quan đến dự phòng trợ cấp thôi việc phải trả cho người lao động. Chi tiết phát sinh như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	174.765.450	146.265.450
Tăng do trích lập	-	28.500.000
Số sử dụng	(50.400.000)	-
Số cuối năm	124.365.450	174.765.450

20. Vốn chủ sở hữu**20a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	68.400.000.000	-	9.474.344.616	(51.739.507.873)	26.134.836.743
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	17.385.385.595	17.385.385.595
Số dư cuối năm trước	68.400.000.000	-	9.474.344.616	(34.354.122.278)	43.520.222.338
Số dư đầu năm nay	68.400.000.000	-	9.474.344.616	(34.354.122.278)	43.520.222.338
Phát hành cổ phiếu thu bằng tiền ⁽ⁱ⁾	29.600.000.000	25.160.000.000	-	-	54.760.000.000
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	25.587.270.375	25.587.270.375
Số dư cuối năm nay	98.000.000.000	25.160.000.000	9.474.344.616	(8.766.851.903)	123.867.492.713

(i) Trong năm, Công ty đã chào bán riêng lẻ 2.960.000 cổ phiếu phổ thông cho các đối tượng là cổ đông hiện hữu để bổ sung vốn kinh doanh theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 ngày 05 tháng 6 năm 2020. Công ty đã nhận được Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 15 ngày 09 tháng 3 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp về việc tăng vốn điều lệ lên 98.000.000.000 VND.

Tình hình sử dụng nguồn vốn đã huy động đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 như sau:

	Số tiền được duyệt	Số tiền đã sử dụng	Số tiền còn lại
Mua nguyên vật liệu	35.760.000.000	15.595.287.946	20.164.712.054
Trả nợ nhà cung cấp	12.500.000.000	4.047.815.315	8.452.184.685
Bổ sung vốn lưu động khác	6.500.000.000	6.884.458.428	(384.458.428)
Cộng	54.760.000.000	26.527.561.689	28.232.438.311

CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG BẠCH TUYẾT

Địa chỉ: 550 Âu Cơ, Phường 10, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**20b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Dệt May Gia Định	34.300.010.000	20.520.000.000
Công ty TNHH Đầu tư Sài Gòn 3 Capital	39.892.790.000	4.535.000.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành Công	9.338.000.000	-
Các cổ đông khác	14.469.200.000	43.345.000.000
Cộng	98.000.000.000	68.400.000.000

20c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9.800.000	6.840.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	9.800.000	6.840.000
- Cổ phiếu phổ thông	9.800.000	6.840.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.800.000	6.840.000
- Cổ phiếu phổ thông	9.800.000	6.840.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**Ngoại tệ các loại**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	1.231,50	203,26
Euro (EUR)	5,66	5,66

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán thành phẩm	153.945.277.397	115.096.954.718
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.264.508.996	1.798.820.457
Cộng	155.209.786.393	116.895.775.175

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chiết khấu thương mại	10.253.060.656	8.272.143.602
Hàng bán bị trả lại	244.265.762	22.707.575
Cộng	10.497.326.418	8.294.851.177

CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG BẠCH TUYẾT

Địa chỉ: 550 Âu Cơ, Phường 10, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**3. Giá vốn hàng bán**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của thành phẩm đã bán	85.629.101.187	70.074.903.172
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	296.913.600	296.555.000
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	92.622.685	-
Cộng	<u>86.018.637.472</u>	<u>70.371.458.172</u>

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	231.809.422	1.067.707.974
Lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	24.714.330	13.647.902
Lãi tiền bán chứng khoán	-	177.737.292
Cổ tức, lợi nhuận được chia	230.052.700	54.192.600
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	13.552	-
Cộng	<u>486.590.004</u>	<u>1.313.285.768</u>

5. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	275.616.437	59.863.014
Dự phòng/(Hoàn nhập dự phòng) giảm giá chứng khoán kinh doanh	12.600	(2.194.500)
Chi phí tài chính khác	3.085.745	3.041.667
Cộng	<u>278.714.782</u>	<u>60.710.181</u>

6. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	6.900.912.184	1.607.018.079
Chi phí vật liệu, bao bì	2.117.201.560	-
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	29.584.250	1.704.744
Chi phí khấu hao tài sản cố định	247.213.334	116.267.424
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.722.081.510	1.661.500.150
Các chi phí khác	4.683.802.122	3.174.808.135
Cộng	<u>15.700.794.960</u>	<u>6.561.298.532</u>

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	12.635.206.924	12.258.365.353
Chi phí đồ dùng văn phòng	344.718.847	252.098.446
Chi phí khấu hao TSCĐ	562.039.708	233.664.826
Thuế, phí và lệ phí	80.167.055	63.888.483
Chi phí dịch vụ mua ngoài	52.176.760	36.369.139
Các chi phí khác	5.352.235.373	2.123.863.969
Cộng	<u>19.026.544.667</u>	<u>14.968.250.216</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG BẠCH TUYẾT

Địa chỉ: 550 Âu Cơ, Phường 10, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**8. Thu nhập khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	198.731.100
Xử lý các khoản nợ tồn lâu	5.134.289.749	-
Lãi vay quá hạn được miễn	-	3.978.222.121
Thu nhập từ thanh lý phế liệu	22.544.080	208.856.573
Thu nhập khác	3.687.392	6.495.725
Cộng	<u>5.160.521.221</u>	<u>4.392.305.519</u>

9. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lỗ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	109.609.169	-
Phạt chậm nộp và phạt vi phạm hành chính	207.179.938	363.802.592
Chi phí khác	74.944.675	137.488.880
Cộng	<u>391.733.782</u>	<u>501.291.472</u>

10. Lãi trên cổ phiếu**10a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	25.587.270.375	17.385.385.595
Trích thưởng Hội đồng quản trị, Ban điều hành và Ban kiểm soát	-	-
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	25.587.270.375	17.385.385.595
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	7.796.932	6.840.000
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	<u>3.284</u>	<u>2.542</u>

10b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính này.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	59.903.843.984	51.313.765.199
Chi phí nhân công	34.443.640.965	26.798.377.615
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.193.793.485	3.228.439.312
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.910.301.898	2.130.467.917
Chi phí khác	16.145.752.640	9.887.639.359
Cộng	<u>116.597.332.972</u>	<u>93.358.689.402</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG BẠCH TUYẾT

Địa chỉ: 550 Âu Cơ, Phường 10, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Tài sản cho thuê hoạt động

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai thu được từ các hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 01 năm trở xuống	1.336.753.114	1.368.314.735
Trên 01 năm đến 05 năm	1.811.084.864	2.742.153.854
Cộng	3.147.837.979	4.110.468.588

Các khoản thu tiền thuê hoạt động ở trên là tổng số tiền cho thuê 1.299,6 m² mặt bằng tại số 550 Âu Cơ, Phường 10, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh với giá cho thuê là 75.643.000 VND/tháng. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 10 năm tính từ ngày 11 tháng 5 năm 2013.

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

2a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt và Ban Kiểm soát

	Tiền lương	Thù lao	Cộng thu nhập
Năm nay			
Hội đồng quản trị	-	300.000.000	300.000.000
Ban điều hành	1.859.140.641	-	1.859.140.641
Ban Kiểm soát	-	67.000.000	67.000.000
Cộng	1.859.140.641	367.000.000	2.226.140.641
Năm trước			
Hội đồng quản trị	-	168.000.000	168.000.000
Ban điều hành	1.637.254.280	-	1.637.254.280
Ban Kiểm soát	-	66.000.000	66.000.000
Cộng	1.637.254.280	234.000.000	1.871.254.280

CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG BẠCH TUYẾT

Địa chỉ: 550 Âu Cơ, Phường 10, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác

Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Sài Gòn 3 Group
Công ty TNHH Đầu tư Sài Gòn 3 Capital
Công ty Cổ phần May Sài Gòn 3
Công ty Cổ phần Thương mại Bất động sản Sài Gòn 3
Công ty Cổ phần May da Sài Gòn
Công ty Cổ phần Sài Gòn 3 Jean
Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành Công

Mối quan hệ

Công ty mẹ tối cao
Công ty mẹ
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng tập đoàn và là cổ đông
góp 9,53% vốn điều lệ
Cổ đông góp 35% vốn điều lệ

Công ty Cổ phần Dệt May Gia Định

Giao dịch với các bên liên quan khác

Trong năm, Công ty không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại thuyết minh số V.17.

3. **Thông tin về bộ phận**

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các loại bông y tế, băng vệ sinh phụ nữ và các sản phẩm khác từ bông băng. Các sản phẩm của Công ty không có sự khác biệt về rủi ro và chủ yếu được tiêu thụ tại Việt Nam. Doanh thu từ việc kinh doanh các sản phẩm này chiếm trên 98% tổng doanh thu bán hàng.

Theo đó, Ban Tổng Giám đốc đánh giá và tin tưởng rằng việc không lập và trình bày báo cáo bộ phận trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 là phù hợp với quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 28 “Báo cáo bộ phận” và phù hợp với tình hình kinh doanh hiện tại của Công ty.

4. **Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 3 năm 2021

Ngô Thị Thu Trang
Kế toán trưởng/Người lập

